

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC PHỔ THÔNG SỬA ĐỔI
MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

Năm 2025

MỤC LỤC

<i>Phần I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH SỬA ĐỔI</i>	3
1. Căn cứ sửa đổi	3
2. Nội dung và yêu cầu cần đạt sửa đổi	3
<i>Phần II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỬA ĐỔI</i>	4
1. Hướng dẫn cập nhật kiến thức, kĩ năng đối với các nội dung sửa đổi, bổ sung	4
2. Hướng dẫn cập nhật kiến thức cốt lõi theo yêu cầu cần đạt của chương trình Giáo dục phổ thông	33
3. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học	37

Phần I. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH SỬA ĐỔI

1. Căn cứ sửa đổi

- Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh
- Căn cứ Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT,

Đề phù hợp với thay đổi địa giới hành chính, thực hiện chính quyền 2 cấp và Hiến pháp sửa đổi, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số /TT-BGDĐT về việc sửa đổi, bổ sung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học Lịch sử và Địa lí cấp Tiểu học và Trung học cơ sở; Địa lí lớp 12; Lịch sử lớp 10 và Giáo dục công dân (Giáo dục kinh tế và pháp luật, lớp 10).

2. Nội dung và yêu cầu cần đạt sửa đổi

1. Tại chủ đề Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế, lớp 10, sửa đổi yêu cầu cần đạt: Nhận biết được vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế tại dòng thứ 2, 3 từ trên xuống, trang 40 thành:

- Nêu được các hoạt động kinh tế và vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.

- Nêu được các chủ thể của nền kinh tế và vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.

2. Tại chủ đề Ngân sách Nhà nước và thuế, lớp 10 bổ sung khái niệm thuế, trong yêu cầu cần đạt “Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước”, tại dòng 8 từ dưới lên, trang 40.

3. Tại chủ đề Ngân sách Nhà nước và thuế, lớp 10, sửa đổi yêu cầu cần đạt: Gọi tên được một số loại thuế phổ biến, tại dòng 5 từ dưới lên, trang 40 thành: Nêu được một số loại thuế phổ biến.

4. Tại chủ đề Ngân sách Nhà nước và thuế, lớp 10, sửa đổi yêu cầu cần đạt: Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách và pháp luật thuế tại dòng 3, 4 từ dưới lên, trang 40 thành: Nêu được quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách Nhà nước và thuế.

5. Tại chủ đề Ngân sách Nhà nước và thuế, lớp 10, sửa đổi yêu cầu cần đạt: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách và thuế tại dòng 1, 2 từ dưới lên trang 40 thành: Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách Nhà nước và thuế.

6. Tại chủ đề Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh lớp 10 sửa đổi yêu cầu cần đạt: Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân tại dòng 3 từ trên xuống, trang 41 thành: Lựa chọn được mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với bản thân.

7. Tại chủ đề Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lớp 10, sửa đổi yêu cầu cần đạt tại các dòng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 từ dưới lên, trang 41 và dòng thứ 1, 2 từ trên xuống trang 42 thành:

- Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nêu được vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Đảng cộng sản Việt Nam; Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

- Nêu được chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân.

- Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Ủng hộ, xây dựng hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.

8. Tại chủ đề Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, lớp 10, trang 42, tại các dòng 11, 12, 13, 14, 15, 16 từ trên xuống: Sửa đổi yêu cầu cần đạt: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bộ máy nhà nước thành: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Phần II. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH SỬA ĐỔI

1. Hướng dẫn cập nhật kiến thức, kỹ năng các nội dung sửa đổi, bổ sung

1.1. Chủ đề Ngân sách Nhà nước và thuế

1.1.1. Nêu được khái niệm thuế và ngân sách nhà nước.

a) Thuế

Thuế là một khoản nộp ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của các luật thuế.¹

b) Ngân sách Nhà nước

¹ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Quản lý thuế 2019, số 38/2019/QH14

- Ngân sách nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước được dự toán và thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định để bảo đảm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.²

- *Hệ thống ngân sách nhà nước Việt Nam* (theo điều 6 Luật Ngân sách nhà nước 2025) bao gồm:

+ Ngân sách nhà nước bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

Ngân sách trung ương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp trung ương hưởng và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp trung ương.

Ngân sách địa phương là các khoản thu ngân sách nhà nước phân cấp cho cấp địa phương hưởng, thu bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương và các khoản chi ngân sách nhà nước thuộc nhiệm vụ chi của cấp địa phương.

+ Ngân sách địa phương bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã.

- *Thu ngân sách nhà nước* bao gồm:

+ Toàn bộ các khoản thu từ thuế, lệ phí và các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan nhà nước thực hiện;

+ Các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan có thẩm quyền giao cung cấp dịch vụ công nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

+ Các khoản viện trợ không hoàn lại của Chính phủ các nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho Nhà nước, Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương; các khoản tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

+ Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

- *Chi ngân sách nhà nước* bao gồm:

+ Chi đầu tư phát triển (nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, gồm chi đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và nhiệm vụ chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật);

+ Chi dự trữ quốc gia (nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước để mua hàng dự trữ quốc gia; chi hoạt động nhập, xuất, mua, bán, bảo quản, bảo vệ, bảo hiểm hàng dự trữ quốc gia theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia);

+ Chi thường xuyên (nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước nhằm bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hỗ trợ hoạt động của các tổ chức khác và thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên của Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật);

² Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Ngân sách nhà nước 2025, số 89/2025/QH15

+ Chi trả nợ lãi (nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương và ngân sách cấp tỉnh để thanh toán các khoản lãi, phí và chi phí khác phát sinh do hoạt động vay nợ của ngân sách cấp mình (không bao gồm lãi, phí và chi phí khác từ việc vay về cho đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp vay lại);

+ Chi viện trợ (nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại, hợp tác phát triển của Nhà nước, Chính phủ Việt Nam với nước ngoài và địa phương của Việt Nam với địa phương nước ngoài; cứu trợ nhân đạo, hỗ trợ khẩn cấp cho nước ngoài theo quy định của pháp luật);

+ Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

- *Bội chi ngân sách nhà nước* bao gồm: bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh.

+ Bội chi ngân sách trung ương được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách trung ương không bao gồm trả nợ gốc và tổng thu ngân sách trung ương không bao gồm vay.

+ Bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh là tổng hợp bội chi ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương, được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách cấp tỉnh không bao gồm trả nợ gốc và tổng thu ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương không bao gồm vay.

1.1.2. Liệt kê được đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.

a) Đặc điểm của ngân sách nhà nước

- Ngân sách nhà nước mang tính pháp lí cao: Ngân sách nhà nước được hình thành và sử dụng trên cơ sở Luật Ngân sách nhà nước cùng các văn bản pháp luật có liên quan như Hiến pháp, các luật thuế và quy định về quản lý tài chính công,... Đây là công cụ tài chính cơ bản của Nhà nước, do Quốc hội quyết định và phê chuẩn hằng năm. Mọi hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước đều phải tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc và trình tự do pháp luật quy định, bắt buộc các chủ thể kinh tế - xã hội có liên quan phải tuân thủ.

- Nhà nước là đại diện chủ sở hữu, đồng thời là chủ thể duy nhất có quyền quyết định các khoản thu, chi của ngân sách nhà nước: Ngân sách nhà nước thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước là chủ thể duy nhất có quyền quyết định các khoản thu, chi ngân sách nhằm phục vụ lợi ích chung của quốc gia và xã hội. Hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước nhằm mục tiêu giúp Nhà nước giải quyết các quan hệ lợi ích trong xã hội khi Nhà nước tham gia phân phối các nguồn tài chính quốc gia giữa Nhà nước với các tổ chức kinh tế - xã hội, các tầng lớp dân cư...

- Hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc không hoàn trả trực tiếp: Ngân sách nhà nước là quỹ tài chính tập trung của Nhà nước, bao gồm toàn

bộ các khoản thu, chi do Nhà nước quản lý và quyết định, không thuộc sở hữu riêng của bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào. Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí là nguồn tài chính thiết yếu để nhà nước sử dụng chi tiêu cho các hoạt động công cộng, đảm bảo công bằng xã hội. Giúp ngăn chặn tình trạng cá nhân, tổ chức trục lợi từ ngân sách nhà nước, vì các khoản thu được đưa vào một quỹ chung và được sử dụng theo mục đích đã được quyết định.

- Bao gồm toàn bộ các khoản thu, chi được dự toán và thực hiện trong một thời gian nhất định: Ngân sách nhà nước là một bản dự toán thu chi. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập ngân sách nhà nước và đề ra các thông số quan trọng có liên quan đến chính sách mà Chính phủ phải thực hiện trong năm tài khóa tiếp theo. Ngân sách nhà nước là công cụ tài chính quan trọng để cụ thể hóa và bảo đảm thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội của Nhà nước; chỉ những chính sách đã được dự kiến trong ngân sách nhà nước mới có thể được triển khai trên thực tế. Việc Quốc hội thông qua ngân sách nhà nước hằng năm là một sự kiện chính trị quan trọng, thể hiện sự đồng thuận trong việc xác định phương hướng phát triển, ưu tiên phân bổ nguồn lực và là biểu hiện cụ thể quyền lực của nhân dân trong quản lý tài chính công.

- Ngân sách nhà nước được xây dựng và thực hiện nhằm bảo đảm nguồn lực tài chính để Nhà nước thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, phục vụ lợi ích chung của quốc gia: Ngân sách nhà nước là một bộ phận chủ yếu của hệ thống tài chính quốc gia. Hệ thống tài chính quốc gia bao gồm: tài chính nhà nước, tài chính doanh nghiệp, trung gian tài chính và tài chính cá nhân hoặc hộ gia đình. Trong đó tài chính nhà nước là bộ phận quan trọng trong hệ thống tài chính quốc gia. Tài chính nhà nước tác động đến sự hoạt động và phát triển của toàn bộ nền kinh tế - xã hội. Tài chính nhà nước thực hiện huy động và tập trung một bộ phận nguồn lực tài chính từ các định chế tài chính khác chủ yếu qua thuế và các khoản thu mang tính bắt buộc khác. Trên cơ sở nguồn lực huy động được, Chính phủ sử dụng ngân sách nhà nước để phân bổ, cấp phát kinh phí, bảo đảm hoạt động của bộ máy, đầu tư phát triển và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội.

b) Vai trò của ngân sách nhà nước

- Công cụ quản lý và điều tiết kinh tế vĩ mô: Ngân sách nhà nước giúp Nhà nước tác động vào tổng cầu, ổn định thị trường, kiểm soát lạm phát, bình ổn giá cả và định hướng phát triển các ngành, vùng kinh tế trọng điểm.

- Bảo đảm hoạt động của bộ máy nhà nước và cung cấp dịch vụ công: Ngân sách nhà nước là nguồn tài chính chủ yếu để duy trì hoạt động của bộ máy, quốc phòng, an ninh, đồng thời cung cấp các dịch vụ công thiết yếu cho xã hội.

- Công cụ bảo đảm an sinh xã hội và ứng phó rủi ro: Thông qua ngân sách nhà nước, Nhà nước hình thành các quỹ dự trữ, quỹ dự phòng để xử lý những tình huống đột xuất như

thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế,... đồng thời thực hiện các chính sách an sinh, phúc lợi xã hội.

- Thúc đẩy đối ngoại và hội nhập quốc tế: Ngân sách nhà nước tạo nguồn lực cho các hoạt động hợp tác quốc tế, tài trợ, hỗ trợ phát triển, qua đó góp phần nâng cao vị thế quốc gia và thúc đẩy hội nhập kinh tế toàn cầu.

1.1.3. Giải thích được vì sao nhà nước phải thu thuế

Thuế có vai trò then chốt trong việc vận hành xã hội và phát triển đất nước, cụ thể:

+ *Nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước*: So với các nguồn thu khác, thuế có ưu thế nổi bật về tính ổn định và bền vững. Thực tiễn Việt Nam cho thấy, từ đầu những năm 1990, thuế đã trở thành nguồn thu chủ yếu, chiếm tỉ trọng lớn trong tổng thu ngân sách nhà nước.

+ *Bảo đảm tài chính cho hoạt động của Nhà nước và cung cấp dịch vụ công*: Thuế là nguồn lực chủ yếu để Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng, duy trì các dịch vụ công thiết yếu như y tế, giáo dục, an sinh xã hội, đồng thời bảo đảm hoạt động của bộ máy hành chính, quốc phòng, an ninh.

+ *Công cụ điều tiết kinh tế và bảo đảm công bằng xã hội*: Thông qua chính sách thuế, Nhà nước có thể định hướng phát triển kinh tế, hỗ trợ sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng và tạo việc làm. Thuế cũng góp phần phân phối lại thu nhập, giảm bất bình đẳng giữa các tầng lớp dân cư và các vùng, miền.

+ *Ứng phó rủi ro và thúc đẩy phát triển bền vững*: Nguồn thu từ thuế cho phép Nhà nước hình thành quỹ dự phòng, dự trữ quốc gia để ứng phó thiên tai, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp khác. Đồng thời, một số loại thuế được thực thi để khuyến khích bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh,...

1.1.4. Nêu được một số loại thuế phổ biến.

Có nhiều tiêu thức khác nhau để phân loại thuế, cụ thể:

- *Theo tính chất*, bao gồm:

+ *Thuế trực thu*: Là loại thuế đánh trực tiếp vào thu nhập hoặc tài sản của các tổ chức, cá nhân. Người nộp thuế đồng thời cũng là người chịu thuế. Loại thuế này trực tiếp điều tiết thu nhập của người nộp thuế. VD: Thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế thu nhập cá nhân, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp,...

+ *Thuế gián thu*: Là loại thuế không trực tiếp đánh vào thu nhập và tài sản của người nộp thuế mà đánh một cách gián tiếp thông qua giá cả hàng hóa và dịch vụ. Người sản xuất hàng hóa và cung ứng dịch vụ cộng thêm phần thuế vào trong giá bán hàng hóa và dịch vụ của mình. Khi hàng hóa và dịch vụ được bán, người sản xuất thay mặt người tiêu dùng nộp

khoản thuế gián thu cho Nhà nước. Người nộp thuế và người chịu thuế không đồng thời là một. VD: Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu,...

- *Theo đối tượng đánh thuế*, bao gồm:

+ Thuế đánh vào thu nhập (VD: Thuế thu nhập cá nhân, Thuế thu nhập doanh nghiệp);

+ Thuế đánh vào tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ (VD: Thuế giá trị gia tăng, Thuế tiêu thụ đặc biệt);

+ Thuế đánh vào tài sản (VD: Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp);

+ Thuế đánh vào tài nguyên (VD: Thuế tài nguyên đối với khoáng sản);

+ Thuế đánh vào thương mại quốc tế (VD: Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu).

- *Theo tên gọi từng sắc thuế*, bao gồm một số loại thuế phổ biến sau:

+ Thuế giá trị gia tăng;

+ Thuế tiêu thụ đặc biệt;

+ Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Thuế thu nhập cá nhân;

+ Thuế tài nguyên;

+ Thuế sử dụng đất nông nghiệp;

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

+ Thuế bảo vệ môi trường.

1.1.5. Nêu được quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách Nhà nước và thuế

- Một số căn cứ pháp lý xác định quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách Nhà nước và thuế: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 16, Điều 17 Luật Quản lý thuế 2019; Điều 35 Luật Ngân sách nhà nước 2025.

- *Quyền của công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế:*

+ Được hỗ trợ, hướng dẫn thực hiện việc nộp thuế; cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi về thuế.

+ Yêu cầu cơ quan quản lý thuế giải thích về việc tính thuế, ấn định thuế; yêu cầu giám định số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Được giữ bí mật thông tin, trừ các thông tin phải cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thông tin công khai về thuế theo quy định của pháp luật.

+ Hưởng các ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

+ Yêu cầu cơ quan quản lý thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình.

- *Nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về thuế:*

- + Thực hiện đăng ký thuế, sử dụng mã số thuế theo quy định của pháp luật.
- + Khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế.
- + Nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm.
- + Chấp hành chế độ kế toán, thống kê và quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- + Ghi chép chính xác, trung thực, đầy đủ những hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế, khấu trừ thuế và giao dịch phải kê khai thông tin về thuế.

- *Quyền của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách Nhà nước:*

- + Công dân được cung cấp thông tin, tham gia giám sát cộng đồng về tài chính, ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Công dân được tiếp cận thông tin về ngân sách nhà nước thông qua việc cơ quan có thẩm quyền công khai theo quy định hoặc thông qua yêu cầu cung cấp thông tin bằng văn bản, qua dịch vụ bưu chính, fax hoặc mạng điện tử.

+ Công dân có thể chủ động tìm hiểu và xem xét các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến tài chính, ngân sách nhà nước, ngân sách địa phương, các dự án đầu tư công. Đồng thời, công dân có quyền tham gia giám sát việc thực hiện các quy định về tài chính, ngân sách nhà nước. Thông qua giám sát, công dân có thể phát hiện, kiến nghị xử lý vi phạm, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, ngân sách nhà nước.

- *Nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách Nhà nước:*

- + Nộp đầy đủ, đúng hạn các khoản thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

+ Trường hợp được Nhà nước trợ cấp, hỗ trợ vốn và kinh phí theo dự toán được giao thì phải quản lý, sử dụng các khoản vốn và kinh phí đó đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả và quyết toán với cơ quan tài chính.

- + Chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và công khai ngân sách.

+ Những khoản thu ngân sách nhà nước không đúng quy định của pháp luật phải được hoàn trả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đã nộp; những khoản thu ngân sách nhà nước nhưng chưa thu phải được truy thu đầy đủ cho ngân sách; những khoản chi ngân sách nhà nước không đúng với quy định của pháp luật phải được thu hồi đủ cho ngân sách.

+ Hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách nhà nước tùy theo tính chất, mức độ vi phạm có thể bị xử lý theo nhiều hình thức khác nhau, bao gồm phạt tiền, cảnh cáo, buộc

thu hồi số tiền chi sai và nghiêm trọng hơn có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự với khung phạt tù và các hình phạt bổ sung như cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc tịch thu tài sản.

1.1.6. Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách Nhà nước và thuế.

- Giải thích – định hướng nhận thức: Làm rõ vai trò của thuế và ngân sách; nhấn mạnh nghĩa vụ công dân; đặt vấn đề hậu quả khi trốn thuế, tham nhũng.
- Ví dụ minh họa: Hành vi đúng (nộp thuế đầy đủ, sử dụng ngân sách đúng mục đích) – cần ủng hộ. Hành vi sai (trốn thuế, tham ô ngân sách) – cần phê phán.
- Phương pháp tổ chức: Thảo luận nhóm, tranh luận, phân tích tình huống.
- Giáo dục thái độ, hành vi: Ủng hộ cá nhân/tập thể gương mẫu, phê phán vi phạm, nhấn mạnh hậu quả.

Bảng tình huống minh họa

Tình huống / Hành vi	Nhận xét – Thái độ cần có
Một cá nhân kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân đầy đủ, đúng thời hạn.	Ủng hộ – Thực hiện nghĩa vụ công dân.
Một doanh nghiệp cố tình khai man doanh thu để trốn thuế.	Phê phán – Vi phạm pháp luật, gây thất thu ngân sách.
Chính quyền địa phương sử dụng ngân sách để xây trường học, trạm y tế cho người dân.	Ủng hộ – Sử dụng ngân sách đúng mục đích.
Một số cán bộ chi sai mục đích tiền ngân sách cho hoạt động cá nhân.	Phê phán – Tham ô, lãng phí.
Người dân tự giác nộp thuế môn bài khi kinh doanh nhỏ.	Ủng hộ – Gương mẫu, tuân thủ pháp luật.
Một công ty lợi dụng kẽ hở chính sách để trốn thuế VAT.	Phê phán – Vi phạm pháp luật.
Nhà nước áp dụng thuế bảo vệ môi trường để hạn chế sử dụng túi nilon.	Ủng hộ – Chính sách tích cực, phát triển bền vững.

1.2. Chủ đề Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh

1.2.1. Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh

Sản xuất kinh doanh cung cấp các sản phẩm đầu vào cho quá trình sản xuất của các ngành khác, đồng thời cung cấp hàng hóa và dịch vụ trực tiếp cho người tiêu dùng cuối cùng.

Sản xuất kinh doanh đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.¹ Thu nhập này không chỉ giúp người dân trang trải cuộc sống hàng ngày mà còn tạo điều kiện để tiết kiệm và đầu tư, từ đó gia tăng tài sản cá nhân và thúc đẩy chi tiêu toàn xã hội.² Khi các doanh nghiệp phát triển, họ tạo ra giá trị gia tăng trong quá trình chuyển đổi nguyên liệu thành thành phẩm, mang lại lợi nhuận và đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế chung của quốc gia.

Sản xuất kinh doanh không chỉ tạo ra hàng hóa và dịch vụ mà còn trực tiếp mở rộng cơ hội việc làm cho người lao động. Thu nhập từ đó giúp cải thiện mức sống,

giảm nghèo, tạo điều kiện để người dân tham gia vào các hoạt động xã hội và đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa. Điều này góp phần củng cố nền tảng an sinh xã hội. Khi hoạt động kinh doanh gắn liền với đôi mới sáng tạo và trách nhiệm xã hội, chúng giúp giải quyết nhiều vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, bất bình đẳng, việc làm cho nhóm yếu thế.

1.2.2. Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm

a) Mô hình sản xuất kinh doanh: Mô hình sản xuất kinh doanh là cách thức tổ chức, quản lý và vận hành việc huy động, phân bổ các nguồn lực nhằm tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ, đáp ứng nhu cầu thị trường và đạt được mục tiêu nhất định (lợi nhuận hoặc mục tiêu xã hội)."

- Mỗi mô hình có đặc trưng riêng về vốn, lao động, quản lý, quy mô và mục tiêu.

b) Các mô hình phổ biến và đặc điểm

b1) Mô hình sản xuất kinh doanh hộ gia đình

Hộ kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ. Trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập thì các thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên làm người đại diện hộ kinh doanh trong quá trình hoạt động kinh doanh. Văn bản ủy quyền của các thành viên hộ gia đình cho một thành viên làm người đại diện hộ kinh doanh phải được công chứng hoặc chứng thực theo quy định của pháp luật.

- Cá nhân, thành viên hộ gia đình là công dân Việt Nam có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của Bộ luật Dân sự có quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định tại Nghị định 168/2025/NĐ-CP, trừ các trường hợp sau đây:

+ Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

+ Người không được thành lập hộ kinh doanh theo quy định của luật.

- Hộ gia đình sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, làm muối và những người bán hàng rong, quà vặt, buôn chuyến, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ có thu nhập thấp không phải đăng ký hộ kinh doanh, trừ trường hợp kinh doanh các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định mức thu nhập thấp áp dụng trên phạm vi địa phương.

- Đặc điểm: quy mô nhỏ, vốn tự có, lao động chủ yếu là người trong gia đình.
- Ưu điểm: linh hoạt, chi phí thấp, dễ khởi sự.
- Hạn chế: khó mở rộng, dễ bị rủi ro thị trường, hạn chế về công nghệ.

b2) Mô hình hợp tác xã

Hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

- Đặc điểm:

- Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế tập thể được tổ chức và hoạt động trên cơ sở sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất và tài sản. Tài sản, vốn và tư liệu sản xuất của hợp tác xã được hình thành chủ yếu từ sự đóng góp của các thành viên, khi họ gia nhập hợp tác xã.

- Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế mang tính xã hội và nhân văn sâu sắc-thể hiện rõ trong các nguyên tắc tổ chức và hoạt động là tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, quản lý dân chủ. Mục tiêu hoạt động của hợp tác xã không chỉ là kinh tế và lợi nhuận mà còn cải thiện đời sống tinh thần, nâng cao trình độ văn hoá và năng lực, trình độ của các thành viên, bảo đảm an sinh xã hội.

Hợp tác xã là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Các hợp tác xã có tư cách pháp nhân, có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc hoạch định quy hoạch, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và làm dịch vụ. Hợp tác xã có quyền chủ động trong việc huy động vốn, kết nạp, khai trừ thành viên, ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, tự chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài chính trong phạm vi vốn và tài sản của hợp tác xã. Nhà nước và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có thể giúp đỡ, hỗ trợ cho hợp tác xã về vật chất và tinh thần, nhưng không chịu trách nhiệm thay cho các hợp tác xã.

Hoạt động của hợp tác xã nhằm mục đích chủ yếu là hỗ trợ, phục vụ lợi ích kinh tế của cá nhân các thành viên và lợi ích chung của tập thể, đồng thời coi trọng các lợi ích xã hội của cộng đồng dân cư. Hiệu quả hoạt động của hợp tác xã được đánh giá không chỉ về mặt kinh tế, lợi nhuận đạt được, mà còn cả về mặt nâng cao trình độ văn hoá, khoa học kĩ thuật, bảo đảm an sinh xã hội và cải thiện đời sống tinh thần cho các thành viên.

Quyền tự chủ của hợp tác xã được thể hiện qua việc các hợp tác xã có các quyền cơ bản như: Thực hiện mục tiêu hoạt động của hợp tác xã; tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động của mình; quyết định tổ chức quản lý và hoạt động của hợp tác xã; Thuê và sử dụng lao động theo nhu cầu; tiến hành các hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm theo ngành, nghề đã đăng ký nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên hợp tác xã; cung ứng, tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ, việc làm cho thành viên hợp tác xã và ra thị trường nhưng phải bảo đảm hoàn thành nghĩa vụ đối với thành viên hợp tác xã; kết nạp mới, chấm dứt tư cách thành viên hợp tác xã; tăng, giảm vốn điều lệ trong quá trình hoạt động; góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp nhằm mục tiêu hỗ trợ hoạt động của hợp tác xã; thực hiện việc phân phối thu

nhập, xử lý các khoản lỗ, khoản nợ của hợp tác xã và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Tư cách thành viên hợp tác xã không được quyết định bởi quy mô, độ lớn của số vốn góp vào hợp tác. Dù đóng góp vốn nhiều hay ít, mỗi thành viên cũng chỉ có một phiếu biểu quyết. Điều này khác với doanh nghiệp là cơ chế dân chủ theo cổ phần: Thành viên càng có nhiều cổ phần thì càng có nhiều phiếu biểu quyết, càng có cơ hội được bầu vào các cơ quan quản lý, điều hành và kiểm soát của doanh nghiệp đó.

d) Mô hình doanh nghiệp

Các loại hình doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, bao gồm: doanh nghiệp nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH), Công ty cổ phần, Doanh nghiệp tư nhân, Công ty hợp danh.

Doanh nghiệp nhà nước

Doanh nghiệp nhà nước là loại hình doanh nghiệp mà 100% vốn điều lệ được nắm giữ và quản lý bởi nhà nước. Doanh nghiệp nhà nước có thể theo cơ cấu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (CTY TNHH MTV), công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (CTY TNHH 2TV trở lên) và công ty cổ phần (CTY CP).

Doanh nghiệp nhà nước dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sẽ theo 1 trong 2 mô hình sau:

Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát;

Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát.

Công ty TNHH một thành viên

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (CTY TNHH MTV) là loại hình doanh nghiệp do 1 tổ chức hoặc 1 cá nhân làm chủ sở hữu và chịu trách nhiệm về nợ, nghĩa vụ tài sản trong phạm vi vốn điều lệ. Công ty TNHH một thành viên không được phép phát hành cổ phiếu, được phát hành trái phiếu.

Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (CTY TNHH 2TV trở lên) là doanh nghiệp có tổ chức hoặc cá nhân với số lượng từ 02-50 thành viên. Thành viên trong doanh nghiệp chịu trách nhiệm nợ và nghĩa vụ tài sản dựa trên phạm vi góp vốn. Loại hình doanh nghiệp này có tư cách pháp nhân, được phát hành trái phiếu, không được phát hành cổ phiếu.

Công ty cổ phần

Theo Điều 111 Luật Doanh nghiệp 2020, công ty cổ phần (CTY CP) là loại hình doanh nghiệp có vốn điều lệ được chia thành nhiều phần (cổ phần), cổ đông là cá nhân hoặc tổ chức, với tối thiểu 03 cổ đông và không giới hạn số lượng tối đa. Cổ đông chịu trách nhiệm về nợ và tài sản trong phạm vi góp vốn. Loại hình doanh

ng nghiệp này được phát hành trái phiếu, cổ phiếu và chứng khoán, có tư cách pháp nhân.

Công ty hợp danh

Công ty hợp danh là loại hình doanh nghiệp mà có tối thiểu 02 thành viên là sở hữu chung doanh nghiệp (gọi là thành viên hợp danh). Ngoài ra, sẽ có thêm thành viên góp vốn. Khác với những loại hình doanh nghiệp trên:

Thành viên hợp danh phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình;

Thành viên góp vốn có thể là tổ chức hoặc cá nhân, chịu trách nhiệm trong phạm vi góp vốn;

Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân, không được phát hành chứng khoán.

Doanh nghiệp tư nhân

Doanh nghiệp tư nhân là loại hình kinh doanh quy mô nhỏ, do một cá nhân làm chủ và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Giống như công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.

Mỗi cá nhân chỉ thành lập 1 doanh nghiệp tư nhân, và chủ doanh nghiệp tư nhân không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh hoặc thành viên hợp danh của công ty hợp danh.

Mô hình doanh nghiệp nhỏ và vừa

Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ là những tổ chức kinh doanh có quy mô khiêm tốn, đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế, đặc biệt tại Việt Nam, nơi các doanh nghiệp này chiếm phần lớn tổng số doanh nghiệp hoạt động.

Theo Điều 5 Nghị định 80/2021/NĐ-CP, việc xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa dựa trên hai tiêu chí chính: số lao động tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) và tổng doanh thu hoặc tổng nguồn vốn.

Các tiêu chí này được phân loại theo từng lĩnh vực cụ thể, bao gồm: nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng và chế biến thủy sản, sản xuất công nghiệp và xây dựng, hoạt động thương mại và các dịch vụ liên quan.

Tham khảo bảng tổng hợp chi tiết các tiêu chí xác định doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ theo các lĩnh vực phổ biến để phân biệt được các loại hình doanh nghiệp phục vụ quá trình tổ chức giảng dạy

Doanh nghiệp siêu nhỏ

Tiêu chí	Nông – lâm nghiệp, thủy – hải sản	Công nghiệp và xây dựng	Thương mại và dịch vụ
----------	-----------------------------------	-------------------------	-----------------------

Số lao động tham gia BHXH	Dưới 10 người	Dưới 10 người	Dưới 10 người
Tổng doanh thu của năm	Dưới 3 tỷ đồng	Dưới 3 tỷ đồng	Dưới 10 tỷ đồng
Tổng nguồn vốn của năm	Dưới 3 tỷ đồng	Dưới 3 tỷ đồng	Dưới 3 tỷ đồng

Doanh nghiệp nhỏ

Tiêu chí	Nông – lâm nghiệp, thủy – hải sản	Công nghiệp và xây dựng	Thương mại và dịch vụ
Số lao động tham gia BHXH	Dưới 100 người	Dưới 100 người	Dưới 50 người
Tổng doanh thu của năm	Dưới 50 tỷ đồng	Dưới 50 tỷ đồng	Dưới 100 tỷ đồng
Tổng nguồn vốn của năm	Dưới 20 tỷ đồng	Dưới 20 tỷ đồng	Dưới 50 tỷ đồng

Doanh nghiệp vừa

Tiêu chí	Nông – lâm nghiệp, thủy – hải sản	Công nghiệp và xây dựng	Thương mại và dịch vụ
Số lao động tham gia BHXH	Dưới 200 người	Dưới 200 người	Dưới 100 người
Tổng doanh thu của năm	Dưới 200 tỷ đồng	Dưới 200 tỷ đồng	Dưới 300 tỷ đồng
Tổng nguồn vốn của năm	Dưới 100 tỷ đồng	Dưới 100 tỷ đồng	Dưới 100 tỷ đồng

1.2.3. Lựa chọn được mô hình sản xuất kinh doanh thích hợp trong tương lai đối với bản thân

Khi triển khai yêu cầu “Lựa chọn được mô hình sản xuất kinh doanh thích hợp trong tương lai đối với bản thân”, giáo viên cần giúp học sinh vừa nắm được kiến

thức về các loại mô hình sản xuất kinh doanh, vừa biết phân tích, so sánh để đưa ra sự lựa chọn phù hợp. Trước hết, giáo viên nên giải thích rõ cho học sinh rằng: mỗi mô hình như hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH hay công ty cổ phần đều có những ưu điểm, hạn chế và điều kiện áp dụng khác nhau; sự lựa chọn đúng đắn không phải là tìm mô hình “tốt nhất” mà là mô hình phù hợp với năng lực, điều kiện và định hướng nghề nghiệp của bản thân. Trong quá trình tổ chức dạy học, giáo viên có thể áp dụng phương pháp dạy học dự án: giao cho học sinh nhiệm vụ tìm hiểu, phân tích và lựa chọn một mô hình sản xuất kinh doanh cụ thể; hướng dẫn học sinh thu thập thông tin qua tài liệu, thực tế địa phương, hoặc phỏng vấn những người đang kinh doanh; khuyến khích học sinh làm việc nhóm để lập bảng so sánh, thảo luận và xây dựng báo cáo hoặc sản phẩm minh họa. Các nhóm trình bày trước lớp, cùng nhau trao đổi và phản biện để làm rõ sự phù hợp của từng mô hình. Kết thúc hoạt động, giáo viên cần định hướng để học sinh tự liên hệ bản thân, lựa chọn mô hình sản xuất kinh doanh mà mình thấy phù hợp nhất, đồng thời nhấn mạnh thông điệp: khởi nghiệp là con đường nhiều cơ hội và thử thách, do đó mỗi cá nhân cần cân nhắc kỹ các yếu tố về vốn, kỹ năng, thị trường và mục tiêu phát triển để đưa ra quyết định đúng đắn.

1.3. Chủ đề Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1.3.1. Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a. Khái niệm hệ thống chính trị Việt Nam

Hệ thống chính trị là một chỉnh thể các tổ chức chính trị và chính trị-xã hội trong xã hội bao gồm các đảng chính trị, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp được liên kết với nhau trong một hệ thống tổ chức nhằm tác động vào các quá trình của đời sống xã hội, để củng cố, duy trì và phát triển chế độ đương thời phù hợp với lợi ích của chủ thể giai cấp cầm quyền³.

Hệ thống chính trị Việt Nam là một chỉnh thể các tổ chức chính trị và chính trị-xã hội trong xã hội Việt Nam bao gồm Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp (Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên...) được liên kết với nhau trong một hệ thống tổ chức nhằm tác động vào các quá trình của đời sống xã hội, để củng cố, duy trì và phát triển chế độ xã hội ở Việt Nam phù hợp với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam.

b. Cấu trúc, đặc điểm hệ thống chính trị Việt Nam

*** Cấu trúc hệ thống chính trị Việt Nam:**

Bao gồm các các yếu tố cấu thành của hệ thống. Đó là: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

³ PGS. TS. Nguyễn Văn Giang, Web: <https://hdl.vn/vi/nghien-cuu---trao-doi/khai-niem-he-thong-chinh-tri-mo-hinh-to-chuc-he-thong-chinh-tri;-nhung-yeu-to-tac-dong-va-quy-dinh-mo-hinh-to-chuc-cua-he-thong-chinh-tri.html>

và các tổ chức chính trị - xã hội là thành viên trực thuộc Mặt trận (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam) và các tổ chức chính trị-xã hội hợp pháp khác của nhân dân được thành lập, hoạt động trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện và đảm bảo đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

*** Đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam:**

Hệ thống chính trị Việt Nam ra đời cùng với sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 2/9/1945.

Các tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta đều lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động;

Hệ thống chính trị ở nước ta đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Hệ thống chính trị ở nước ta được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ;

Hệ thống chính trị bảo đảm sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân, tính dân tộc rộng rãi;

Hệ thống chính trị Việt Nam là một hệ thống mang tính thống nhất và tập trung quyền lực. Tính thống nhất của hệ thống chính trị xuất phát từ nguồn gốc quyền lực của nhân dân ủy quyền cho Nhà nước để thực hiện mục đích chung.

c. Nguyên tắc hoạt động

- Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam: Khoản 1 Điều 4 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Đảng Cộng sản Việt Nam – Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo Nhà nước và toàn xã hội.

- Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân: Điều 2 Hiến pháp năm 2013 quy định “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức”. Nhân dân thực hiện và sử dụng quyền lực nhà nước thông qua hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện như: bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân, biểu quyết khi Nhà nước trưng cầu ý dân, thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và các cơ quan nhà nước khác...

- Nguyên tắc tập trung dân chủ: Đây là nguyên tắc hoạt động cơ bản nhất của các tổ chức trong hệ thống chính trị Việt Nam.

+ Đối với Đảng Cộng sản, nguyên tắc này được thể hiện ở những nội dung cơ bản trong tổ chức, hoạt động. Đảng là một tổ chức chặt chẽ, thống nhất ý chí và hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách⁴, **thiểu số** phục tùng đa số, cấp dưới phục tùng cấp trên, cá nhân phục tùng tổ chức.

+ Đối với Nhà nước, Điều 6 Hiến pháp 2013 quy định “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ.”⁵ Bản chất của nguyên tắc này thể hiện sự thống nhất biện chứng giữa chế độ tập trung lợi ích của Nhà nước, sự trực thuộc, phục tùng của các cơ quan nhà nước cấp dưới trước các cơ quan Nhà nước cấp trên và chế độ dân chủ, tạo điều kiện cho việc phát triển sự sáng tạo, chủ động và quyền tự quản của các cơ quan nhà nước cấp dưới. Những vấn đề quan trọng của cơ quan nhà nước phải được đưa ra thảo luận tập thể và quyết định theo đa số.

+ Đối với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thành viên, nguyên tắc này thể hiện: Tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên. Khi phối hợp và thống nhất hành động, các tổ chức thành viên của MTTQ Việt Nam tuân theo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng thời vẫn giữ tính độc lập của tổ chức mình⁶.

- Nguyên tắc pháp quyền thể hiện: Mọi tổ chức trong hệ thống chính trị đều tổ chức và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Bao gồm **Các** tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác.

2. Vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a. Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng là một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời là tổ chức có vai trò lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị. Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo Nhà nước và xã hội thể hiện trên những nội dung chủ yếu như: Đảng đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối, chiến lược, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội...; đồng thời Đảng là người lãnh đạo và tổ chức thực hiện Cương lĩnh, đường lối của Đảng.

a. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nhà nước có vai trò đặc biệt

⁴ Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, Phần II (Đại hội X, XI, XII), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019, tr. 518.

⁵ Hiến pháp năm 2013.

⁶ Điều 4 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015.

quan trọng trong hệ thống chính trị Việt Nam, thông qua Hiến pháp và pháp luật, Nhà nước công khai thừa nhận và bảo vệ quyền lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn xã hội; xác định địa vị pháp lý, thừa nhận sự tồn tại và hoạt động hợp pháp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Nhà nước là công cụ hữu hiệu nhất để tổ chức, quản lý, xây dựng và phát triển xã hội. Nhà nước thực hiện vai trò quản lý các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội bằng Hiến pháp, pháp luật. Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Nhà nước gồm các cơ quan trung ương như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và chính quyền địa phương các cấp.

c. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài⁷.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; thể hiện ý chí, nguyện vọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình.

d. Mọi quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị Việt Nam

Trong hệ thống chính trị Việt Nam, Nhà nước ở vị trí trung tâm, có quan hệ mật thiết với tất cả các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Do vậy, quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị chủ yếu thể hiện trong mối quan hệ giữa Nhà nước với Đảng và với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Quan hệ giữa Nhà nước với Đảng cộng sản Việt Nam

Trong mối quan hệ này, Nhà nước có vai trò rất lớn với Đảng. Vai trò đó được thể hiện ở những nội dung như: Nhà nước ghi nhận sự lãnh đạo của Đảng trong Hiến pháp, tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc cho sự tồn tại, hoạt động và lãnh đạo của

⁷ Căn cứ Nghị quyết số 203/2025/QH13 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước CHXHCNVN

Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Nhà nước thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng thành pháp luật và bảo đảm cho pháp luật được thực hiện nghiêm chỉnh, nhờ đó, đường lối chính sách của Đảng có thể được triển khai và thực hiện trong toàn xã hội, giúp Đảng thực hiện được quyền lãnh đạo đối với xã hội. Thông qua hoạt động thực tiễn, Nhà nước kiểm nghiệm tính đúng đắn trong đường lối, chính sách của Đảng, từ đó có cơ sở đóng góp cho Đảng hoạch định đường lối phù hợp. Nhà nước bảo vệ đường lối, chính sách cũng như tổ chức của Đảng, tạo điều kiện về cơ sở vật chất và các điều kiện khác cho Đảng hoạt động. Nhà nước quản lý các đảng viên và các tổ chức đảng theo pháp luật.

Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng những hình thức và phương pháp sau: Đảng đề ra đường lối, chính sách định hướng cho việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước trong mỗi giai đoạn phát triển của đất nước. Đảng lựa chọn, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ để giới thiệu cho Nhà nước. Đảng theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra các hoạt động của Nhà nước. Đảng thực hiện sự lãnh đạo đối với Nhà nước thông qua các đảng viên, các tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước và bằng phương pháp tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục quần chúng, bằng chính vai trò tiên phong gương mẫu của các đảng viên và các tổ chức đảng trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Quan hệ giữa Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Thông qua việc ghi nhận địa vị pháp lý của Mặt trận Tổ quốc **Việt** Nam trong Hiến pháp, Nhà nước tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc cho sự tồn tại và hoạt động hợp pháp của Mặt trận trong xã hội. Nhà nước thừa nhận và tạo điều kiện cho Mặt trận tham gia vào việc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, tham gia vào quản lý nhà nước và xã hội... Nhà nước bảo vệ Mặt trận, tạo mọi điều kiện, kể cả giúp đỡ về vật chất cho Mặt trận và các tổ chức thành viên của nó hoạt động; Nhà nước quản lý Mặt trận và các tổ chức thành viên theo pháp luật; Nhà nước kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Mặt trận và các tổ chức thành viên...

Mặt trận tham gia vào việc thành lập, kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước thông qua hoạt động hiệp thương giới thiệu đại biểu ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân, tham gia phản biện xã hội, góp ý cho các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, tham gia giám sát hoạt động của các nhân viên và cơ quan nhà nước... Mặt trận cùng với Nhà nước quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước khi Nhà nước thấy cần thiết. Mặt trận có nghĩa vụ tôn trọng, thực hiện pháp luật, chỉ được hoạt động trong khuôn khổ pháp luật...

3. Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a. Chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện

quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Nhiệm vụ của Quốc hội bao gồm:

- (1) Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật.
- (2) Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.
- (3) Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
- (4) Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.
- (5) Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước.
- (6) Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.
- (7). Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia.
- (8) Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.
- (9) Quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật.
- (10) Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.
- (11) Quyết định đại xá.

(12) Quy định hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước.

(13) Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia.

(14) Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội.

(15) Quyết định trưng cầu ý dân.

b. Chức năng, nhiệm vụ, của Chủ tịch nước

Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

Nhiệm vụ của Chủ tịch nước bao gồm:

(1) Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh; đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày pháp lệnh được thông qua, nếu pháp lệnh đó vẫn được Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất.

(2) Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ.

(3) Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán các Tòa án khác, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định đặc xá; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá.

(4) Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước; quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam.

(5) Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh, quyết định phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng, chuẩn đô đốc, phó đô đốc, đô đốc hải quân; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Ủy ban thường vụ Quốc hội, công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ

Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương.

(6) Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm; quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phong hàm, cấp đại sứ; quyết định đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế quy định tại khoản 14 Điều 70; quyết định phê chuẩn, gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế khác nhân danh Nhà nước.

c. Chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ

Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Nhiệm vụ của Chính phủ bao gồm:

(1) Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

(2) Đề xuất, xây dựng chính sách trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều này; trình dự án luật, dự án ngân sách nhà nước và các dự án khác trước Quốc hội; trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội.

(3) Thống nhất quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thi hành lệnh động viên hoặc động viên cục bộ, lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm tính mạng, tài sản của Nhân dân.

(4) Trình Quốc hội quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(5) Thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia; thực hiện quản lý về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước; tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước; lãnh đạo công tác của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp; hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân trong việc thực hiện văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do luật định.

(6) Bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền con người, quyền công dân; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

(7) Tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước; quyết định việc ký, gia nhập, phê duyệt hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, trừ điều ước quốc tế trình Quốc hội phê chuẩn quy định tại khoản 14 Điều 70; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích chính đáng của tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài.

(8) Phối hợp với Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

d. Chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân

Tòa án nhân dân, là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Viện kiểm sát nhân dân, thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

g. Chức năng, nhiệm vụ, của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân⁸

Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương; chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của Hội đồng nhân dân ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

1.4. Chủ đề Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

1. Khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a. Khái niệm, đặc điểm của Hiến pháp

Khái niệm Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

⁸ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật số 72/2025/QH15, ngày 16 tháng 06 năm 2025, *Luật Tổ chức chính quyền địa phương*.

Hiến pháp là luật gốc, luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định những vấn đề chung, cơ bản nhất của Nhà nước và xã hội như chế độ chính trị, chế độ kinh tế, văn hóa – văn hóa - xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Đặc điểm của Hiến pháp

- Hiến pháp là luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bởi vì Hiến pháp quy định những vấn đề cơ bản nhất của Nhà nước và xã hội.

- Hiến pháp là văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Hiến pháp là luật gốc vì các quy định trong Hiến pháp là cơ sở để xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật khác. Các quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật khác được xây dựng và ban hành để cụ thể hóa nhằm thực hiện Hiến pháp nên đều phải phù hợp, không được trái Hiến pháp.

- Hiến pháp được xây dựng, ban hành, sửa đổi, bổ sung theo trình tự, thủ tục đặc biệt.

b. Vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có vị trí đặc biệt trong hệ thống pháp luật nước ta. Vị trí này được quy định tại Điều 119 Hiến pháp năm 2013 như sau:

“Hiến pháp là luật cơ bản của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực pháp lý cao nhất. Mọi văn bản pháp luật khác phải phù hợp với Hiến pháp. Mọi hành vi vi phạm Hiến pháp đều bị xử lý.”

Như vậy, vị trí của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật thể hiện ở hai điểm: luật cơ bản và luật có hiệu lực tối cao.

2. Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025)

2.1. Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị

a. Về chủ quyền quốc gia, bản chất của Nhà nước và chính sách dân tộc

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình. Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.

b. Bản chất của Đảng Cộng sản Việt Nam và vai trò làm chủ của Nhân dân

Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình. Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước. Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân bị cử tri hoặc Quốc hội, Hội đồng nhân dân bãi nhiệm khi không còn xứng đáng với sự tín nhiệm của Nhân dân.

c. Các tổ chức chính trị, xã hội của nhân dân⁹

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; thể hiện ý chí, nguyện vọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (lập lại tr.).

Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam là các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được thành lập trên

⁹ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2025), Nghị quyết số: 203/2025/QH15, ngày 16/06/2025, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; được tổ chức và hoạt động thống nhất trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; cùng với các tổ chức thành viên khác của Mặt trận hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động.

d. Tổ quốc, Quốc kỳ, Quốc huy, Quốc ca, Quốc khánh và chính sách đối ngoại

Tổ quốc Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm. Mọi hành vi chống lại độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, chống lại sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều bị nghiêm trị.

Quốc kỳ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình chữ nhật, chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh. Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hình tròn, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh, xung quanh có bông lúa, ở dưới có nửa bánh xe răng và dòng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc ca nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhạc và lời của bài Tiến quân ca. Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là ngày Tuyên ngôn độc lập 2 tháng 9 năm 1945. Thủ đô nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Hà Nội.

Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

2.2. Nội dung cơ bản của quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân quy định trong Hiến pháp

Quyền con người và quyền công dân được quy định trong Hiến pháp, do mối quan hệ giữa quyền con người và quyền công dân nên một số trường hợp, quyền con người được thực hiện thông qua quyền công dân. Quyền công dân gồm quyền con người và quyền công dân theo qui định.

Nhà nước Việt Nam bảo đảm quyền con người và quyền công dân: Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền con người, quyền công dân *chỉ có thể bị hạn chế* theo quy định của luật *trong trường hợp cần thiết* vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng;

Quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân. Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác. Công dân có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và xã hội. Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân

Quyền bình đẳng trước pháp luật: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Phân chia theo lĩnh vực

Nhóm quyền dân sự: Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật; Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý;

Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam, giữ người do luật định; Người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định và có bản án kết tội của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật. Người bị buộc tội phải được Tòa án xét xử kịp thời trong thời hạn luật định, công bằng, công khai. Trường hợp xét xử kín theo quy định của luật thì việc tuyên án phải được công khai. Không ai bị kết án hai lần vì một tội phạm.

Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử có quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa. Người bị bắt, tạm giữ, tạm giam, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất, tinh thần và phục hồi danh dự. Người vi phạm pháp luật trong việc bắt, giam, giữ, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án gây thiệt hại cho người khác phải bị xử lý theo pháp luật;

Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật. Việc thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất kỳ hình thức thử nghiệm nào khác trên cơ thể người phải có sự đồng ý của người được thử nghiệm.

Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch Việt Nam. Công dân Việt Nam không thể bị trục xuất, giao nộp cho nhà nước khác. Công dân Việt Nam ở nước ngoài được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo hộ.

Nhóm quyền về văn hoá, xã hội: Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp

luật; Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó; Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa; Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường; Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh;

Công dân có quyền có nơi ở hợp pháp. Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định; Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định; Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới;

Công dân có quyền được bảo đảm an sinh xã hội; Nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau. Nhà nước bảo hộ hôn nhân và gia đình, bảo hộ quyền lợi của người mẹ và trẻ em; Công dân có quyền và nghĩa vụ học tập; Công dân có quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp.

Quyền về kinh tế: Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác; Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm; Mọi người có nghĩa vụ nộp thuế theo luật định.

Quyền về chính trị: Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền bầu cử và đủ hai mươi một tuổi trở lên có quyền ứng cử vào Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Việc thực hiện các quyền này do luật định; Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước;

Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân; Công dân đủ mười tám tuổi trở lên có quyền biểu quyết khi Nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân; Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc;

Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất; Bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân; Công dân phải thực hiện nghĩa vụ quân sự và tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân; Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.

Quyền của người nước ngoài: Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; được bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích chính đáng theo pháp luật Việt Nam. Người nước ngoài đấu tranh vì tự do và độc lập dân tộc, vì chủ nghĩa xã hội, dân chủ và hòa bình hoặc vì sự nghiệp khoa học mà bị bức hại thì được Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét cho cư trú.

Đối với người Việt Nam ở nước ngoài: Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khuyến khích và tạo điều kiện để người Việt Nam định cư ở nước ngoài giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, giữ quan hệ gắn bó với gia đình và quê hương, góp phần xây dựng quê hương, đất nước.

2.3. Nội dung về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

a. Về kinh tế

Về tính chất, mô hình nền kinh tế: Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Các thành phần kinh tế đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật. Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để doanh nhân, doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức khác đầu tư, sản xuất, kinh doanh; phát triển bền vững các ngành kinh tế, góp phần xây dựng đất nước. Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ và không bị quốc hữu hóa;

Về đất đai: Đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác và các tài sản do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý; Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật.

Về ngân sách: Ngân sách nhà nước, dự trữ quốc gia, quỹ tài chính nhà nước và các nguồn tài chính công khác do Nhà nước thống nhất quản lý và phải được sử dụng hiệu quả, công bằng, công khai, minh bạch, đúng pháp luật. Ngân sách nhà nước gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, trong đó ngân sách trung ương giữ vai trò chủ đạo, bảo đảm nhiệm vụ chi của quốc gia. Các khoản thu, chi ngân sách nhà nước phải được dự toán và do luật định. Đơn vị tiền tệ quốc gia là Đồng Việt Nam. Nhà nước bảo đảm ổn định giá trị đồng tiền quốc gia.

b. Về xã hội, văn hoá

Về xã hội: Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng trong hoạt động kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước;

Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tạo việc làm cho người lao động. Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và tạo điều kiện xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định;

Nhà nước, xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, có chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em, thực hiện kế hoạch hóa gia đình; Nhà nước, xã hội tôn vinh, khen thưởng, thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với nước;

Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác; Nhà nước có chính sách phát triển nhà ở, tạo điều kiện để mọi người có chỗ ở.

Về văn hóa: Nhà nước, xã hội chăm lo xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Nhà nước, xã hội phát triển văn học, nghệ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của Nhân dân; phát triển các phương tiện thông tin đại chúng nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của Nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhà nước, xã hội tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; xây dựng con người Việt Nam có sức khỏe, văn hóa, giàu lòng yêu nước, có tinh thần đoàn kết, ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân.

c. Giáo dục, khoa học công nghệ, môi trường

Về giáo dục: Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các nguồn đầu tư khác cho giáo dục; chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, Nhà nước không thu học phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học; phát triển giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chính sách học bổng, học phí hợp lý. Nhà nước ưu tiên phát triển giáo dục ở miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; ưu tiên sử dụng, phát triển nhân tài; tạo điều kiện để người khuyết tật và người nghèo được học văn hóa và học nghề;

Về khoa học công nghệ: Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát

triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ;

Về *môi trường*: Nhà nước có chính sách bảo vệ môi trường; quản lý, sử dụng hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Nhà nước khuyến khích mọi hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo. Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, làm suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học phải bị xử lý nghiêm và có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại.

2. Hướng dẫn cập nhật kiến thức cốt lõi theo yêu cầu cần đạt của chương trình Giáo dục phổ thông

2.1. Đối với cập nhật tên, mốc địa giới hành chính

Cập nhật địa danh các xã, phường, đặc khu theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của các tỉnh, thành phố.

2.2. Hướng dẫn cập nhật, sử dụng ngữ liệu dạy học

Lớp	Nội dung sửa chương trình	Sách giáo khoa kết nối tri thức	Sách giáo khoa chân trời sáng tạo	Sách cánh diều
10	Chủ đề Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế - Nêu được các hoạt động kinh tế và vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội. - Nêu được các chủ thể của nền kinh tế và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế.	Bài: Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội Bài: Các chủ thể của nền kinh tế	Bài: Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội Bài: Các chủ thể của nền kinh tế	Bài: Các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội Bài: Các chủ thể của nền kinh tế
10	Chủ đề Ngân sách Nhà nước và thuế Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước và thuế	+ Bài Ngân sách nhà nước + Bài Thuế	+ Bài Ngân sách nhà nước	+ Bài Ngân sách nhà nước

	- Nêu được quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện pháp luật về ngân sách Nhà nước và thuế. - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về ngân sách Nhà nước và thuế.			
10	Chủ đề Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh Lựa chọn được mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với bản thân.	Bài: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	Bài: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh	Bài: Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh
10	Chủ đề Hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam + Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, sửa thành: + Nêu được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. + Nêu được vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Đảng cộng sản Việt Nam; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa	+ Bài 19: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam + Bài 18: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bài 20: Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bài 21: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa	+ Bài 12: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam + Bài 13: Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bài 14: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bài 15: Tòa án nhân dân và Viện	+ Bài 11: Công dân với Hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam + Bài 12: Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bài 13: Chính quyền địa phương; Bài 18: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước

	Việt Nam; Mặt trận tổ quốc Việt +Nêu được chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân. + Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. + Ủng hộ, xây dựng hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.	xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bài 22: Tòa án nhân dân và Viện Kiểm sát nhân dân; Bài 23: Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân + Bài 19: Đặc điểm, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị Việt Nam	Kiểm sát nhân dân; Bài 16: Chính quyền địa phương; Bài 24: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 2013 về bộ máy nhà nước	
10	Chủ đề Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường;	- Bài 14: Giới thiệu về Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bài 15: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về chế độ chính trị; Bài 16: Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ	- Bài 20: Khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bài 21: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt	- Bài 14: Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Bài 15: Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chế độ chính trị; Bài 16: Hiến pháp nước Cộng

	quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.	bản của công dân trong Hiến pháp; Bài 17: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, khoa học công nghệ, môi trường; Bài 18: Nội dung cơ bản của Hiến pháp về bộ máy nhà nước nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Nam năm 2013 về chính trị; Bài 22: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Bài 23: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường; Bài 24: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về bộ máy nhà nước	hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Bài 17: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường; Bài 18: Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bộ máy nhà nước
--	---	--	---	--

Nội dung	Yêu cầu cần đạt	Hướng dẫn cập nhật
Chuyên đề 10.2: Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ	- Nêu được thế nào là doanh nghiệp nhỏ; những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ. - Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh	Rà soát cập nhật sách giáo khoa để đảm bảo các quy định của văn bản pháp luật mới - Luật Doanh nghiệp (số 59/2020/QH14)

	doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể. – Lập được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ. đề xuất bỏ yêu cầu cần đạt – Phân tích được những bài học thành công và thất bại trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017 (số 04/2017/QH14) - Nghị định 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ - Luật Đất đai 2024
Chuyên đề 10.3: Một số vấn đề về pháp luật hình sự	– Nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự và nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên. – Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống đơn giản thường gặp. – Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản, thường gặp liên quan đến pháp luật hình sự. – Tích cực, chủ động vận động người khác chấp hành các quy định của pháp luật hình sự.	Rà soát cập nhật sách giáo khoa để đảm bảo các quy định của văn bản pháp luật mới - Luật Tư pháp người chưa thành niên (số 59/2024/QH15) - Văn bản hợp nhất Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Văn bản hợp nhất 11/VBHN-VPQH ngày 24/02/2025)

3. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học

2.3.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn

- *Kế hoạch giáo dục của tổ/nhóm chuyên môn* (thống nhất gọi chung là kế hoạch tổ chuyên môn) là bản dự kiến toàn bộ các hoạt động dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn trong một năm học, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển của tổ chuyên môn và của nhà trường, bảo đảm yêu cầu thực hiện CTGDPT. Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn bao gồm kế hoạch dạy học môn học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục. Việc xây dựng kế hoạch này không chỉ đơn thuần là phân bổ tiết học, mà còn là cách thức cụ thể hóa các nhiệm vụ giáo dục khác trong năm học.

Đối với việc triển khai thực hiện chương trình môn GDKT&PL, kế hoạch của tổ chuyên môn là một căn cứ quan trọng để phân công nhiệm vụ cho GV dạy môn GDKT&PL, đặc biệt là nhiệm vụ giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục. Từ

đó, GV môn GDKT&PL có cơ sở triển khai việc xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân và kế hoạch bài dạy. Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn là nhịp cầu nối giữa mục tiêu chung của chương trình với các bài học cụ thể của GV. Với một kế hoạch được xây dựng, GV có cơ sở để triển khai công việc giảng dạy môn GDKT&PL hiệu quả, sử dụng nó như một danh sách theo dõi và thực hiện các công việc mà bản thân được phân công trong năm học.

- Các yêu cầu đối với xây dựng kế hoạch tổ chuyên môn

Đảm bảo tính pháp lý: Kế hoạch phải được xây dựng dựa trên các văn bản pháp luật hiện hành và các hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT. Bảo đảm nguyên tắc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày theo hướng linh hoạt, thiết thực, hiệu quả, đồng thời phù hợp với đặc điểm tâm lý, điều kiện học tập của học sinh.

Đảm bảo tính khả thi: Kế hoạch phải dựa trên việc phân tích thực trạng của HS, đội ngũ GV và cơ sở vật chất của nhà trường. Thực hiện đầy đủ, đúng thời lượng môn học theo quy định. Không gây quá tải về nội dung, thời lượng; đảm bảo phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, sức khỏe và khả năng tiếp nhận của học sinh.

Đảm bảo tính logic và thống nhất: Cần sắp xếp các bài học GDKT&PL theo một mạch logic, phù hợp với khung thời gian chung của nhà trường. Tích hợp hiệu quả với các nội dung về kỹ năng sống, giáo dục đạo đức, quyền con người, phòng chống tham nhũng – tiêu cực, pháp luật, bình đẳng giới, giá trị văn hóa dân tộc, giáo dục môi trường và phát triển bền vững. Ví dụ: Các nội dung về pháp luật, kinh tế cần được tích hợp lồng ghép với nội dung thuộc một số môn học khác như Lịch sử, Địa lý để tạo ra sự liên kết, giúp HS có cái nhìn toàn diện hơn về các vấn đề tại địa phương.

Đảm bảo tính linh hoạt và chủ động: Kế hoạch là định hướng, không phải khuôn mẫu cứng nhắc. GV cần có sự linh hoạt trong việc điều chỉnh nội dung và phương pháp dạy học, đặc biệt trong các trường hợp cần khai thác các sự kiện, tình huống thực tế của địa phương để minh họa cho bài học. Các chủ đề/bài học thơ chương trình môn GDKT&PL có thể phân bổ đều theo học kỳ I và học kỳ II, gắn với các chủ điểm giáo dục đạo đức, pháp luật, công dân toàn cầu và các sự kiện chính trị - xã hội trong năm học.

Kế hoạch dạy học môn học có thể được tổ/nhóm chuyên môn xây dựng thống nhất theo từng khối lớp, sau đó cá thể hóa theo năng lực giáo viên và nhu cầu thực tế của học sinh tại nhà trường.

- Vai trò của đội ngũ GV môn GDKT&PL trong xây dựng kế hoạch tổ chuyên môn

Mỗi GV là một thành viên quan trọng trong quá trình xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ. Dưới sự điều phối của tổ trưởng chuyên môn, GV đóng vai trò tích cực trong việc:

Tham gia góp ý và xây dựng: Dựa trên kinh nghiệm thực tiễn và sự am hiểu về văn hóa, đời sống của HS, GV đóng góp các ý kiến để xây dựng kế hoạch. Điều này đảm bảo kế hoạch không chỉ bám sát chương trình mà còn mang tính thực tiễn cao.

Đề xuất nội dung và ví dụ cụ thể: GV có thể đề xuất lồng ghép các vấn đề kinh tế, pháp luật, đạo đức và lối sống vào bài học. Ví dụ: Đề xuất các tình huống về bảo vệ tài nguyên rừng, đất đai, bảo tồn nghề truyền thống, hoặc những câu chuyện về các tấm gương khởi nghiệp thành công, sống có lý tưởng.

Thống nhất mục tiêu: Sự tham gia của mỗi GV giúp tạo ra sự đồng thuận, đảm bảo các mục tiêu chung của tổ chuyên môn được tất cả các thành viên nắm vững và cùng nhau thực hiện.

Có thể thấy vai trò của GV môn GDKT&PL tại các trường THPT không chỉ dừng lại ở việc giảng dạy mà còn là người góp phần xây dựng một kế hoạch giáo dục mang tính thực tiễn, linh hoạt và phù hợp với đặc thù tại địa phương, từ đó nuôi dưỡng những công dân trẻ có tri thức, kỹ năng và trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

- Cấu trúc của kế hoạch tổ chuyên môn:

Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn bao gồm kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục. Tổ chuyên môn trong quá trình xây dựng các kế hoạch này có thể tham khảo cấu trúc gợi ý (theo phụ lục 1,2 của công văn 5512) dưới đây để thực hiện

Khung kế hoạch dạy học của tổ chuyên môn (Phụ lục 1- CV5512)

TRƯỜNG:.....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
TỔ:.....	VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
KẾ HOẠCH DẠY HỌC	
MÔN, LỚP.....	
<i>(Năm học 20..... – 20.....)</i>	
I. Đặc điểm tình hình	
1. Số lớp: ...; Số HS: ...; Số HS học chuyên đề lựa chọn (nếu có):.....	

2. Tình hình đội ngũ: Số GV:....; **Trình độ đào tạo:** Đại học:....; Trên đại học: **Mức đạt chuẩn nghề nghiệp:** Tốt:.....; Khá:.....; Đạt:.....Chưa đạt:.....

3. Thiết bị dạy học:

STT	Thiết bị dạy học	Số lượng	Các bài học/thực hành	Ghi chú
1				
2				
...				

4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập

STT	Tên phòng	Số lượng	Phạm vi, nội dung sử dụng	Ghi chú
1				
2				
...				

II. Kế hoạch dạy học

1. Phân phối chương trình

STT	Bài học (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1			
2			
3			
...			

2. Chuyên đề lựa chọn

STT	Chuyên đề (1)	Số tiết (2)	Yêu cầu cần đạt (3)
1			
2			
3			

...			
-----	--	--	--

3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ

Kiểm tra, đánh giá	Thời gian (1)	Thời điểm (2)	Yêu cầu cần đạt (3)	Hình thức (4)
Giữa Học kỳ 1				
Cuối Học kỳ 1				
Giữa Học kỳ 2				
Cuối Học kỳ 2				

III. Các nội dung khác (nếu có):

.....

.....

.....

...ngày.....tháng.....năm 20...

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Khung kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn
(Phụ lục 2 - CV5512)

TRƯỜNG..... TỔ:.....	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>
KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN (Năm học 20..... – 20.....)	
1. Khối lớp:.....; Số HS:.....	

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

2. Khối lớp:.....; Số HS:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

2. Khối lớp:.....; Số HS:.....

STT	Chủ đề (1)	Yêu cầu cần đạt (2)	Số tiết (3)	Thời điểm (4)	Địa điểm (5)	Chủ trì (6)	Phối hợp (7)	Điều kiện thực hiện (8)
1								
2								
...								

..., ngày.....tháng.....năm 20...

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

HIỆU TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

- Quy trình xây dựng kế hoạch tổ chuyên môn:

Vào đầu năm học, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Bộ, Sở GD&ĐT, Ban Giám hiệu nhà trường tổ chức xây dựng khung thời gian thực hiện chương trình cho các môn học, chuyên đề, hoạt động giáo dục và nội dung giáo dục địa phương và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường.

Dựa trên khung kế hoạch tổng thể đó, tổ chuyên môn GDKT&PL tiến hành xây dựng kế hoạch giáo dục chi tiết của tổ. Đây là một phần quan trọng của nhiệm

vụ xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, nhằm cụ thể hóa chương trình GDPT 2018 một cách linh hoạt, phù hợp với đặc điểm HS và điều kiện thực tế. Kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn GDKT&PL bao gồm:

Kế hoạch dạy học: Phân bổ tiết học cho từng chủ đề (Phụ lục 1-CV5512)

Kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục: Tích hợp, lồng ghép các hoạt động trải nghiệm môn học, dự án học tập (Phục lục 2 - CV 5512)

Việc xây dựng kế hoạch giáo dục môn học cần tuân thủ một quy trình khoa học và có sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên trong tổ chuyên môn. Bao gồm các bước cơ bản sau:

Bước 1: Phân tích bối cảnh và điều kiện thực tiễn

Phân tích tình hình HS để nắm được tổng số HS của mỗi khối lớp, đặc biệt là số HS lựa chọn học môn GDKT&PL và chuyên đề học tập môn GDKT&PL. Đồng thời phân tích đặc điểm về văn hóa, ngôn ngữ, và năng lực tiếp thu của HS.

Phân tích tình hình GV để nắm được số lượng GV, trình độ đào tạo và mức độ đạt chuẩn nghề nghiệp. Đồng thời xác định thêm về năng lực của GV trong việc: Am hiểu văn hóa địa phương; Sử dụng phương pháp dạy học tích cực (khả năng sử dụng phương pháp và kỹ thuật dạy học hiện đại như trạm, góc, tranh biện, dự án ... vào các bài học về kinh tế và pháp luật); Tư vấn và định hướng nghề nghiệp (kinh nghiệm trong việc tư vấn, định hướng nghề nghiệp phù hợp với đặc thù vùng miền và nguyện vọng của HS ...)

Phân tích tình hình thiết bị dạy học: Lập danh mục các thiết bị dạy học môn GDKT&PL hiện có, đánh giá tình trạng sử dụng và khả năng đáp ứng yêu cầu của chương trình. Ngoài các thiết bị truyền thống, cần đánh giá và khai thác các tài nguyên sẵn có tại địa phương để làm phương tiện dạy học (Ví dụ: Sử dụng các sản phẩm thủ công, mô hình sản xuất nông nghiệp, hoặc hình ảnh về các mô hình kinh tế tại địa phương để minh họa cho các bài học về kinh tế). Dựa trên việc so sánh với "Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu" và nhu cầu thực tế, tổ chuyên môn cần đề xuất sửa chữa, sắm mới hoặc tự thiết kế các thiết bị dạy học phù hợp.

Đánh giá về phòng học và cơ sở vật chất: Thống kê các phòng học bộ môn, phòng đa năng, sân chơi, bãi tập có thể sử dụng để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục. Cần tận dụng tối đa các không gian này để tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù, tăng tính trải nghiệm cho HS.

Ví dụ: Phòng đa năng dùng để tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về pháp luật, kinh tế, hoặc các buổi giao lưu văn hóa, trình diễn trang phục truyền thống; Sân

chơi, bãi tập sử dụng để tổ chức các trò chơi dân gian, các hoạt động ngoại khóa, dự án học tập về môi trường, giúp HS rèn luyện kỹ năng sống và hiểu rõ hơn về giá trị văn hóa.

Phân tích điều kiện địa phương: Cần hiểu rõ đặc điểm kinh tế, xã hội, văn hóa địa phương để lồng ghép vào các ví dụ và nội dung dạy học.

Bước 2: Xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch giáo dục

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế, tổ chuyên môn GDKT&PL tiến hành xây dựng kế hoạch dạy học và kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục cho các khối lớp, tuân thủ các quy định của Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH. Quá trình này không phải là tuyến tính mà là một chuỗi các hoạt động thảo luận, điều chỉnh để đảm bảo tính phù hợp cao nhất. Những công việc chính trong việc xây dựng kế hoạch này bao gồm:

(1) Phân tích chương trình và phân bổ thời lượng

Chương trình GDPT tổng thể và chương trình môn GDKT&PL quy định rõ tổng thời lượng, tỉ lệ thời gian cho từng mạch nội dung. Dựa trên đó, tổ chuyên môn cần phân bổ số tiết học một cách hợp lý, chú trọng đến việc lồng ghép các nội dung giáo dục đặc thù.

GV cần nghiên cứu kỹ phần "Giải thích và hướng dẫn thực hiện" trong chương trình môn GDKT&PL để nắm rõ tổng thời lượng, tỉ lệ phân bổ thời gian cho các mạch nội dung và đánh giá định kì.

Dựa trên tỉ lệ quy định, tính toán số tiết cụ thể. Tuy nhiên, tổ chuyên môn có thể linh hoạt điều chỉnh tỉ lệ này một cách hợp lý để ưu tiên các chủ đề gần gũi với HS dân tộc thiểu số, HS vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn.

Ví dụ: Đối với lớp 10, chương trình môn GDKT&PL quy định: “Giáo dục kinh tế” (50%), “Giáo dục pháp luật” (50%), “Đánh giá định kì” theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT. Số tiết tương ứng sẽ như sau:

Mạch nội dung	Tỉ lệ thời lượng	Số tiết
Giáo dục kinh tế	50%	35 (bao gồm thời lượng 02 bài kiểm tra định kì)
Giáo dục pháp luật	50%	35 bao gồm thời lượng 02 bài kiểm tra định kì)

Đánh giá định kì	04 bài kiểm tra (02 bài kiểm tra giữa học kì và 02 bài kiểm tra cuối học kì)	4
------------------	--	---

Do tính đặc thù trong hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục của trường, tổ/nhóm chuyên môn có thể phân bổ thời lượng linh hoạt giữa các chủ đề và lựa chọn hình thức tổ chức dạy học phù hợp với nội dung và điều kiện của nhà trường đối tượng học sinh. Đồng thời có thể nghiên cứu thiết kế các nội dung tích hợp các nội dung giáo dục về quyền con người, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí và giáo dục đạo đức liêm chính; giáo dục STEM/STEAM, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo; bình đẳng giới, bảo tồn văn hóa dân tộc, chủ quyền biên giới, biển đảo, quốc phòng và an ninh; sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường; ứng phó biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai; giáo dục qua di sản; tăng cường năng lực số, kỹ năng chuyển đổi số và các nội dung giáo dục tích hợp khác. Nghiên cứu tổ chức thực hiện trong các chương trình môn học hoặc thiết kế hành các hình thức tổ chức dạy học: học tập theo nhóm học sinh có cùng trình độ, sở thích; tổ chức các câu lạc bộ, hướng dẫn học sinh tự học, kết hợp giữa học tập trong lớp học và các hoạt động giáo dục ngoài lớp học, ngoài nhà trường; phối hợp với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động giáo dục phù hợp nhằm hỗ trợ việc tổ chức dạy học 2 buổi/ngày.

Ví dụ (lớp 10):

TT	Mạch nội dung	Chủ đề/ Bài học	Yêu cầu cần đạt	Số tiết
1	Giáo dục kinh tế (50% = 35 tiết – 02 tiết kiểm tra định kì = 33 tiết	Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế	- Nêu được các hoạt động kinh tế và vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội. - Nêu được các chủ thể kinh tế và vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế. - Nhận diện được vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.	5

			- Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi.	
		Thị trường và cơ chế thị trường	- Nêu được khái niệm, chức năng thị trường - Liệt kê được các loại thị trường - Nêu được ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường. - Hiểu được giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường. - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách - Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường.	6
				

(3) Xác định thiết bị dạy học

Dựa trên YCCĐ của từng chủ đề và các nhiệm vụ học tập dự kiến, tổ chuyên môn xác định các thiết bị dạy học cần sử dụng. Cần tham khảo Thông tư quy định danh mục thiết bị tối thiểu, đồng thời linh hoạt tận dụng tài nguyên, thế mạnh của địa phương. Ví dụ:

Đối với các chủ đề về kinh tế, pháp luật liên quan đến nông nghiệp, lâm nghiệp, GV có thể sử dụng các hình ảnh, video về mô hình sản xuất, các công cụ lao động truyền thống.

Đối với các chủ đề về văn hóa, đạo đức, có thể dùng các sản phẩm thủ công, trang phục truyền thống để minh họa.

Tận dụng tối đa máy chiếu, máy tính và các nguồn tài nguyên trực tuyến để trình chiếu các video, phóng sự về chính sách phát triển kinh tế vùng dân tộc thiểu số, các buổi tọa đàm về bảo tồn văn hóa, truyền thống...

(4) Xác định nội dung kiểm tra, đánh giá định kì

Tổ chuyên môn cần thống nhất nội dung, mức độ và hình thức kiểm tra, đánh giá. Không chỉ đánh giá kiến thức, cần tập trung đánh giá năng lực vận dụng, giải quyết vấn đề của HS trong bối cảnh thực tế.

Xây dựng ma trận và đặc tả đề kiểm tra, đảm bảo câu hỏi không chỉ đánh giá kiến thức sách vở mà còn kiểm tra khả năng liên hệ với đời sống.

Ngoài kiểm tra viết (trên giấy hoặc trên máy tính), có thể sử dụng các hình thức khác như: Đánh giá qua dự án học tập (HS thực hiện một dự án nhỏ về kinh tế hoặc pháp luật tại địa phương, ví dụ: "Tìm hiểu về các mô hình kinh tế hiệu quả tại địa phương" hoặc "Tuyên truyền pháp luật về hôn nhân và gia đình "...); Đánh giá qua bài thuyết trình, tranh biện (Đánh giá khả năng lập luận, trình bày, giao tiếp của HS...).

Thời gian và thời điểm: Cần xác định rõ thời gian làm bài cụ thể cho từng bài kiểm tra, đánh giá (số phút) và thời điểm thực hiện (tuần, tháng). Thời điểm này phải phù hợp với kế hoạch chung của nhà trường để đảm bảo tính thống nhất và cân đối giữa các môn học.

(5) Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục/trải nghiệm môn học (Phụ lục 2 - CV5512)

Đầu năm học, tổ chuyên môn cần họp để xác định các hoạt động giáo dục liên quan đến môn học. Các hoạt động này cần gắn liền với thực tiễn đời sống của HS. Ví dụ: Tổ chức tham quan mô hình sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi tại địa phương; cắm trại kết hợp tìm hiểu về phong tục, pháp luật đất đai; sinh hoạt câu lạc bộ "Thanh niên khởi nghiệp" với các sản phẩm địa phương; hoạt động phục vụ cộng đồng như tuyên truyền pháp luật về hôn nhân và gia đình, phòng chống tảo hôn, hôn nhân cận huyết...

Đối với mỗi hoạt động, cần xác định rõ YCCĐ về phẩm chất (Nhấn mạnh sự tự tin, trách nhiệm, tinh thần yêu quê hương, đất nước, tôn trọng pháp luật và các giá trị văn hóa truyền thống), về năng lực (Rèn luyện năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, và vận dụng kiến thức GDKT&PL vào thực tiễn...)

Cần lựa chọn thời điểm tổ chức phù hợp, thường là sau khi HS đã học các kiến thức lý thuyết liên quan. Ví dụ: Sau khi học chủ đề "Các thành phần kinh tế", tổ chức

tham quan một cơ sở sản xuất thủ công truyền thống để HS hiểu rõ hơn về kinh tế hộ gia đình, hợp tác xã.

Tận dụng tối đa các không gian như sân trường, phòng đa năng, hoặc thực địa tại các bản làng, cơ sở sản xuất, di tích lịch sử-văn hóa.

Xác định rõ đơn vị, cá nhân chủ trì và phối hợp. Cần có sự phối hợp chặt chẽ với các tổ chuyên môn khác, chính quyền địa phương, các nghệ nhân, ...để hoạt động đạt hiệu quả cao.

(6) Xây dựng kế hoạch cho các nội dung khác (nếu có)

Tùy thuộc vào nhiệm vụ của nhà trường, tổ chuyên môn có thể xây dựng kế hoạch cho các hoạt động như bồi dưỡng HS giỏi, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo... Ví dụ:

Bồi dưỡng HS giỏi: Chuẩn bị nội dung nâng cao của các chủ đề kinh tế, chủ đề pháp luật, tích hợp, lồng ghép các vấn đề KT - XH của vùng dân tộc thiểu số, vùng điều kiện đặc biệt khó khăn.

Sinh hoạt chuyên môn dựa trên nghiên cứu bài học: Thảo luận về các phương pháp giảng dạy GDKT&PL phù hợp với đặc điểm HS ...

Hình thức trình bày loại kế hoạch này dựa trên khung gợi ý (CV 5512) nhưng không khuôn mẫu cứng nhắc. Kế hoạch cần thể hiện rõ nội dung, thời lượng, YCCĐ, thiết bị hỗ trợ, lực lượng phối hợp và địa điểm tổ chức.

(7) Xây dựng kế hoạch dạy học các chuyên đề học tập (nếu có)

Dựa vào các quy định về chuyên đề học tập trong chương trình môn GDKT&PL, tổ chuyên môn liệt kê các chuyên đề theo thứ tự thực hiện, số tiết phân bổ và YCCĐ tương ứng.

Bước 3: Hoàn thiện dự thảo và thông qua tổ chuyên môn

Từng thành viên trong tổ đóng góp ý kiến, điều chỉnh để bản dự thảo kế hoạch hoàn thiện nhất.

Kế hoạch phải được thông qua tổ chuyên môn để đảm bảo sự thống nhất trước khi trình Hiệu trưởng.

Bước 4: Phê duyệt và tổ chức thực hiện

Bản kế hoạch được Hiệu trưởng phê duyệt và là căn cứ để tổ chuyên môn triển khai trong năm học.

Tổ trưởng tiến hành phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng GV, đảm bảo định mức giờ dạy theo quy định, đồng thời cân nhắc đến các nhiệm vụ đặc thù như dạy chuyên đề, hoạt động trải nghiệm.

Dựa trên kế hoạch chung của tổ, mỗi GV xây dựng kế hoạch giáo dục của cá nhân. Kế hoạch cá nhân cần thể hiện rõ cách thức lồng ghép các nội dung giáo dục văn hóa, kỹ năng sống và định hướng nghề nghiệp, phù hợp với từng tiết dạy, đáp ứng nhiệm vụ đặc thù của trường PTDTNT và PTDTBT.

2.3.2. Xây dựng kế hoạch bài dạy và tổ chức các hoạt động dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

- Quan niệm về kế hoạch bài dạy

Kế hoạch bài dạy (giáo án) là kịch bản lên lớp của GV với đối tượng HS và nội dung cụ thể trong một không gian và thời gian nhất định, trong đó xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, thiết bị dạy học và học liệu, những hoạt động cụ thể của thầy và trò, cách thức KT, ĐG phù hợp với YCCĐ về năng lực, phẩm chất tương ứng trong chương trình môn học. KHBD được GV xây dựng trong giai đoạn chuẩn bị lên lớp và quyết định rất lớn đến sự thành công của bài học.

KHBD là bản thiết kế cho tiến trình một bài học hoặc một chủ đề dạy học, là bản kế hoạch mà GV dự định sẽ thực hiện giảng dạy trên lớp đối với nhóm đối tượng HS nào đó. Với một bài học nào đó, với những đối tượng HS khác nhau, và với những GV khác nhau thì sẽ có những bản KHDH khác nhau. Vì thế, KHBD là sản phẩm cá nhân, thể hiện trong ý tưởng dạy học, trong cách trình bày kế hoạch của họ. Không có một KHBD duy nhất, cũng như không có một khuôn mẫu duy nhất trong cách trình bày KHDH một bài học.

- Yêu cầu đối với việc xây dựng kế hoạch bài dạy

KHBD được xác định là một hướng dẫn linh hoạt, không phải là một công thức cứng nhắc. Do đó khi xây dựng, KHBD cần đáp ứng các yêu cầu sau để phát huy tối đa hiệu quả giáo dục:

KHBD cần được tổ chức theo một chuỗi logic gồm các hoạt động: Khởi động, Hình thành kiến thức mới, Luyện tập và Vận dụng. Chuỗi hoạt động này phải phù hợp với mục tiêu và nội dung của bài học.

Đối với mỗi hoạt động, GV cần xác định rõ thiết bị dạy học, học liệu và phương án đánh giá phù hợp với bối cảnh của HS dân tộc thiểu số. Ví dụ: Khi dạy về chủ đề

kinh tế, có thể sử dụng các ví dụ về mô hình kinh tế hộ gia đình tại địa phương, các sản phẩm thủ công truyền thống.

Lựa chọn các phương pháp, kỹ thuật và hình thức tổ chức dạy học một cách linh hoạt, tránh lối dạy học truyền thụ một chiều. Cần tập trung vào các phương pháp dạy học tích cực nhằm tạo cơ hội cho HS được trải nghiệm, thực hành. Việc lựa chọn PPDH cần trả lời được các câu hỏi sau: Có giúp HS đạt được mục tiêu về phẩm chất và năng lực không? Có phù hợp với đặc điểm của HS, đặc biệt là HS dân tộc thiểu số không? Có phù hợp với năng lực chuyên môn của GV và điều kiện cơ sở vật chất không?

KHBD phải lấy hoạt động học của HS làm trung tâm. GV cần thiết kế các nhiệm vụ học tập theo hướng chú trọng sự hợp tác cá nhân và theo nhóm, khuyến khích HS tham gia tương tác đa chiều.

Công cụ đánh giá cần thể hiện được mục tiêu phát triển năng lực, tập trung vào khả năng vận dụng kiến thức của HS vào các tình huống thực tế, đặc biệt là các tình huống gắn với đời sống văn hóa, xã hội tại địa phương.

- Cấu trúc kế hoạch bài dạy

Mặc dù có nhiều cách trình bày khác nhau, một KHBD hiệu quả cần thể hiện được các yếu tố cơ bản liên quan đến quá trình dạy học, bao gồm:

Mục tiêu bài học: Xác định rõ YCCĐ về kiến thức, kỹ năng, năng lực và phẩm chất. Cần đặc biệt chú ý đến việc tích hợp các nội dung giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, phòng chống tham nhũng, các giá trị đạo đức, lối sống, lý tưởng cách mạng. Ví dụ: Khi dạy về "Quyền bình đẳng của công dân", mục tiêu có thể tích hợp phẩm chất là "Biết tôn trọng, bảo vệ quyền của người khác" và năng lực là "Phân tích và đánh giá được hành vi vi phạm quyền của người khác và có cách ứng xử phù hợp".

Nguồn lực/Thiết bị hỗ trợ: Bao gồm sách giáo khoa, học liệu, và các tài nguyên từ chính đời sống, văn hóa địa phương. Lựa chọn tài liệu, tranh ảnh, video, tình huống thực tế gắn với các chủ đề, đặc biệt là các ví dụ về lối sống đẹp, tuân thủ pháp luật trong cộng đồng dân tộc thiểu số. Ví dụ: Các câu chuyện về tấm gương thanh niên DTTS khởi nghiệp thành công, các hoạt động bảo vệ môi trường của đồng bào...

Chuỗi các hoạt động học được thiết kế theo các giai đoạn giải quyết vấn đề, bao gồm: Mở đầu (Nêu hiện tượng, câu chuyện, tình huống thực tế về hành vi sống đẹp, tuân thủ pháp luật hoặc vi phạm pháp luật trong cộng đồng dân tộc thiểu số để dẫn dắt vào bài học); Hình thành kiến thức mới (Phân tích các tình huống về hành vi

đúng/sai trong thực tiễn kinh tế và pháp luật tại địa phương; tổ chức thảo luận nhóm); Luyện tập (HS làm bài tập tình huống, xác định hành vi đúng/sai theo pháp luật và đạo đức); Vận dụng (HS xây dựng kế hoạch hành động hoặc dự án thực tế nhằm lan tỏa lối sống đẹp, ví dụ: "Tuyên truyền về luật bảo vệ rừng đến người dân trong bản" hoặc "Xây dựng một mô hình kinh tế nhỏ tại địa phương").

Mỗi hoạt động cần có tên, thời gian, mục tiêu, nội dung, cách tổ chức, sản phẩm dự kiến và cách đánh giá. Trong mỗi hoạt động, cần thể hiện việc sử dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực (như dạy học dự án, tranh biện) để tạo điều kiện cho HS được trải nghiệm, thực hành, khám phá kiến thức.

Có thể trình bày KHBD dựa theo cấu trúc được quy định trong CV 5512 (phụ lục 4) như sau:

TÊN CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC (Thời gian: ... tiết) I. MỤC TIÊU 1. Kiến thức (nêu cụ thể kiến thức HS cần học theo YCCĐ của chủ đề mà Chương trình đã quy định) 2. Năng lực - NL môn GDKT&PL (chỉ rõ đến từng biểu hiện cụ thể của năng lực mà Chương trình môn GDKT&PL đã mô tả) - NL chung: (Chỉ rõ biểu hiện của năng lực chung mà Chương trình tổng thể đã mô tả) mà chủ đề/bài học có cơ hội góp phần phát triển ở HS 3. Phẩm chất: (Chỉ rõ biểu hiện về thái độ, hành vi của phẩm chất mà Chương trình tổng thể đã mô tả) mà chủ đề/bài học có cơ hội góp phần phát triển. II. THIẾT BỊ, HỌC LIỆU Ghi rõ các thiết bị, phương tiện dạy học chủ yếu (máy chiếu, TV, đầu video, máy tính, máy projector...) và tài liệu, học liệu dạy học cần thiết (thông tin, các phiếu học tập, công cụ đánh giá tranh ảnh, mô hình, hiện vật, hoá chất...) ...nhằm thực hiện mục tiêu của chủ đề/bài học. III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC 1. Hoạt động mở đầu (thời gian dự kiến:.....) 2. Hoạt động hình thành kiến thức <i>Hình thành kiến thức 1</i> <i>Hình thành kiến thức 2</i>
--

Hình thành kiến thức n

3. Hoạt động luyện tập

Luyện tập 1

Luyện tập 2

.....

4. Hoạt động vận dụng

Vận dụng 1

Vận dụng 2

.....

Với mỗi hoạt động cần ghi rõ:

Tên hoạt động và thời gian dự kiến

Mục tiêu hoạt động: (ghi rõ thực hiện mục tiêu nào của bài học)

Nội dung hoạt động

Sản phẩm hoạt động (ghi rõ những dự kiến về kết quả làm việc của học sinh đối với nhiệm vụ được giao)

Cách thức tổ chức: Thường gồm 4 bước: Chuyển giao nhiệm vụ học tập; thực hiện nhiệm vụ học tập; báo cáo kết quả và thảo luận; kết luận hoặc nhận định.

IV. NHẬN XÉT, RÚT KINH NGHIỆM BÀI DẠY HỌC, GIAO NHIỆM VỤ CHO BÀI HỌC MỚI (nếu có)

- Quy trình xây dựng kế hoạch bài dạy

Quy trình xây dựng KHBD môn GDKT&PL cần được thiết kế một cách linh hoạt, hướng đến việc phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực của HS với các bước cơ bản sau:

Bước 1. Xác định Yêu cầu cần đạt

(1) GV cần xác định rõ các kiến thức, kỹ năng GDKT&PL cần rèn luyện để đạt được YCCĐ về phẩm chất, năng lực.

Ví dụ: Khi dạy Chủ đề: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (lớp 12), GV cần xác định rõ các yêu cầu về:

Trách nhiệm pháp lý: Doanh nghiệp phải tuân thủ pháp luật, đặc biệt là các quy định về sử dụng lao động (tránh lao động trẻ em), bảo vệ môi trường, không gian đối trong kinh doanh.

Trách nhiệm đạo đức: Doanh nghiệp đặt sức khỏe, quyền lợi người lao động, khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Trách nhiệm nhân văn: Doanh nghiệp tích cực tham gia hoạt động thiện nguyện, hướng tới phát triển bền vững của cộng đồng dân tộc thiểu số.

Trách nhiệm xây dựng niềm tin xã hội: Doanh nghiệp góp phần bảo vệ Tổ quốc thông qua phát triển kinh tế có đạo đức, có trách nhiệm.

(2) Phát triển năng lực HS thông qua hoạt động học cụ thể

Mỗi hoạt động học cần hướng tới việc phát triển các năng lực của môn học (Điều chỉnh hành vi, Phát triển bản thân, Tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế-xã hội), đồng thời phải gắn với bối cảnh thực tế của HS.

Ví dụ: Khi dạy Chủ đề: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (lớp 12), GV có thể xây dựng tình huống thực tiễn và yêu cầu HS:

Tình huống: Một doanh nghiệp giày thể thao nổi tiếng lợi dụng lao động trẻ em, ép làm việc quá giờ với lương thấp. Doanh nghiệp lách luật bằng cách thông qua bên trung gian và không ký hợp đồng chính thức.

Yêu cầu HS: Phân tích trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong tình huống trên (pháp lý, đạo đức, nhân văn); Đánh giá hành vi của doanh nghiệp trên góc nhìn đạo đức, lý tưởng công dân và pháp luật; Đề xuất hành động đúng của doanh nghiệp và vai trò của HS trong việc cổ vũ sản phẩm có đạo đức.

(3) Thiết kế chuỗi hoạt động học cụ thể:

Thảo luận nhóm: Tổ chức các nhóm thảo luận theo vai trò (nhóm 1: Trách nhiệm pháp lý; nhóm 2: Trách nhiệm đạo đức; nhóm 3: Trách nhiệm với cộng đồng), sau đó các nhóm trình bày giải pháp và phản biện lẫn nhau.

Thiết kế sản phẩm: HS thiết kế một infographic hoặc poster tuyên truyền "Doanh nghiệp có trách nhiệm – xã hội phát triển".

Tổ chức chiến dịch học đường: Mỗi nhóm đề xuất một hành động nhỏ nhưng giàu ý nghĩa mà doanh nghiệp hoặc cá nhân có thể làm vì cộng đồng (ví dụ: không sử dụng lao động trẻ em DTTS, hỗ trợ giáo dục, trồng cây, trung thực trong quảng cáo...).

(4) Thiết kế các hoạt động đánh giá

Bài tập đánh giá năng lực toàn diện: Viết báo cáo "Tôi chọn tiêu dùng có trách nhiệm – vì lý tưởng sống công dân thời đại số". HS tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau theo các tiêu chí: hiểu đúng khái niệm, đề xuất giải pháp, thể hiện trách nhiệm công dân, đạo đức.

Sử dụng câu hỏi mở: Ví dụ: "Nếu bạn là chủ doanh nghiệp, bạn sẽ chọn lợi nhuận trước hay đạo đức trước?", "Theo bạn, doanh nghiệp có thể góp phần xây dựng Tổ quốc không? Bằng cách nào?".

Sử dụng Rubric đánh giá:

Tiêu chí	Mô tả	Điểm tối đa	Điểm đạt
Phân tích đúng trách nhiệm xã hội	Xác định đầy đủ và chính xác các trách nhiệm chưa được thực hiện.	5	
Tính khả thi của giải pháp	Các giải pháp mang tính thực tế, có thể áp dụng trong bối cảnh địa phương.	5	
Kế hoạch hành động chi tiết	Kế hoạch rõ ràng, logic và đề xuất kết quả mong đợi cụ thể.	5	
Kĩ năng làm việc nhóm	Phân công hợp lí, hợp tác hiệu quả và làm việc tích cực.	5	
Kĩ năng trình bày	Phản trình bày hấp dẫn, mạch lạc và trả lời tốt các câu hỏi phản biện	5	

- Các bước tổ chức dạy học theo kế hoạch bài dạy đã xây dựng

Để tổ chức dạy học hiệu quả, GV cần thiết kế và triển khai bài học theo quy trình chặt chẽ, linh hoạt và lấy HS làm trung tâm. Các bước cơ bản bao gồm:

a) Hoạt động mở đầu (tạo động cơ học tập và kết nối thực tiễn)

Mục đích: Kích hoạt tư duy và cảm xúc của HS, gắn kết nội dung bài học với đời sống thực tế và lý tưởng công dân.

Cách thực hiện: GV sử dụng một tình huống thực tế, một câu hỏi mở, video ngắn hoặc một sự kiện thời sự liên quan đến văn hóa, kinh tế địa phương.

Ví dụ: Lớp 10 - Chủ đề: Thị trường và cơ chế thị trường:

GV chiếu đoạn phim ngắn về một phiên chợ vùng cao, nơi các dân tộc thiểu số trao đổi, buôn bán sản vật. Đặt câu hỏi: "Theo em, những hoạt động mua bán ở đây diễn ra dựa trên những nguyên tắc nào? Nếu một người bán sử dụng cân điều, người tiêu dùng có quyền gì để bảo vệ mình?"

Lớp 11 - Chủ đề: Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và năng lực người kinh doanh:

GV chiếu clip về một nghệ nhân người dân tộc thành công với mô hình sản xuất và kinh doanh thổ cẩm truyền thống, đưa sản phẩm ra thị trường quốc tế. Đặt

câu hỏi: "Em có thấy được cơ hội kinh doanh nào từ chính văn hóa của dân tộc mình không? Em có lý tưởng gì nếu được khởi nghiệp để vừa làm giàu cho bản thân, vừa giữ gìn bản sắc văn hóa?"

b) Hoạt động hình thành kiến thức

Mục đích: Hướng dẫn HS tiếp cận nội dung kinh tế – pháp luật kết hợp với việc xây dựng đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm công dân.

Cách thực hiện: GV tổ chức các hoạt động thảo luận, phân tích tình huống thực tiễn.

Ví dụ: Lớp 12 – Chủ đề: Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp:

HS tìm hiểu khái niệm "trách nhiệm xã hội", sau đó thảo luận: "Một doanh nghiệp khai thác khoáng sản tại địa phương em sẽ cần thực hiện những nghĩa vụ nào với cộng đồng để đảm bảo phát triển bền vững và gìn giữ môi trường sống?"

c) Hoạt động luyện tập

Mục đích: HS vận dụng kiến thức GDKT&PL để xử lý tình huống, ra quyết định có đạo đức và trách nhiệm.

Cách thực hiện: GV đưa ra các tình huống gắn với đời sống của HS DTTS để các em xử lý, đóng vai, tranh luận.

Ví dụ: Lớp 10 – Chủ đề: Tín dụng và cách sử dụng dịch vụ tín dụng: HS xử lý tình huống một người trong bản vay nặng lãi để mua sắm vật dụng. Thảo luận về hậu quả và cách khuyên nhủ người đó để không rơi vào bẫy tín dụng đen.

Lớp 11 – Chủ đề: Đạo đức kinh doanh: HS đóng vai "người bán hàng trung thực" (bán nông sản sạch) và "người vì lợi nhuận bất chấp đạo đức" (trộn hóa chất vào nông sản) để tranh luận, từ đó củng cố giá trị trung thực, vì cộng đồng.

d) Hoạt động vận dụng

Mục đích: Chuyển hóa kiến thức thành hành động cụ thể, xây dựng lý tưởng, rèn luyện đạo đức công dân.

Cách thực hiện: HS thực hiện các dự án nhỏ, có tính ứng dụng cao, gắn với đời sống và văn hóa của mình.

Ví dụ: Lớp 12 – Chủ đề: Lập kế hoạch kinh doanh: HS thiết kế mô hình kinh doanh nhỏ nhưng có tính đạo đức: sử dụng nguyên liệu địa phương để làm các sản phẩm thủ công, trích một phần lợi nhuận để giúp đỡ các em nhỏ khó khăn trong bản.

Lớp 10 – Chủ đề: Lập kế hoạch tài chính cá nhân: HS lập kế hoạch chi tiêu tháng, gắn với mục tiêu sống giản dị, tiết kiệm, không tiêu dùng phô trương, và dành

một phần nhỏ để mua sách vở, dụng cụ học tập cho các em nhỏ ở điểm trường vùng sâu.

Hướng dẫn HS kết nối, củng cố và phát triển. Sau mỗi bước triển khai, GV cần hướng dẫn HS phản hồi, nhận ra những điểm đã làm tốt và những điều cần cải thiện.

Phản hồi cá nhân: Sử dụng các công cụ như rubric, bảng kiểm hoặc phiếu phản tư để HS tự đánh giá.

Ví dụ: "Em thấy hành vi nào trong bài học là đúng chuẩn đạo đức?", "Em học được gì về trách nhiệm công dân trong kinh doanh?", "Nếu em là người tiêu dùng có lý tưởng, em sẽ lựa chọn thế nào để ủng hộ sản phẩm của quê hương?"

Đánh giá nhóm: Sau khi làm dự án, mỗi nhóm có thể viết: "Điều nhóm em tự hào nhất – Điều muốn làm tốt hơn lần sau."

Mở rộng – Phát triển tư duy hệ thống: GV kết nối với các vấn đề toàn cầu.

Ví dụ: "Em biết gì về Mục tiêu phát triển bền vững số 12 – Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm?". Từ đó, khuyến khích HS thực hiện một hành động cụ thể để thể hiện trách nhiệm công dân trong một tuần tới, ví dụ: "Em sẽ không xả rác bừa bãi và nhắc nhở mọi người trong bản cùng làm để bảo vệ môi trường."...

- Một số lưu ý khi xây dựng KHBĐ trong dạy học môn GDKT&PL

Thứ nhất, gắn kết nội dung với bối cảnh địa phương: Các ví dụ, tình huống cần được lấy từ thực tế đời sống, văn hóa, kinh tế để HS dễ tiếp cận và có hứng thú học tập.

Thứ hai, chú trọng phát triển năng lực đặc thù: Tích hợp các hoạt động học tập nhằm rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác và thích ứng với môi trường sống.

Thứ ba, đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học: Kết hợp linh hoạt giữa dạy học trên lớp truyền thống với dạy học ngoài lớp học, dạy học dự án, nhằm phát huy tối đa tính trải nghiệm và tư duy trực quan của HS.

Thứ tư, sử dụng ngôn ngữ dễ hiểu: GV cần sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, đơn giản, có thể kết hợp với tiếng mẹ đẻ của HS nếu cần thiết để đảm bảo các em nắm bắt được nội dung.

Thứ năm, thiết kế hoạt động luyện tập và vận dụng mang tính ứng dụng cao: Các hoạt động cần hướng tới việc giải quyết các vấn đề thực tiễn trong cộng đồng, giúp HS thấy được ý nghĩa của bài học.

Thứ 6, tích hợp giáo dục nghề nghiệp: Hướng dẫn HS tìm kiếm cơ hội khởi nghiệp, phát triển kinh tế từ chính các giá trị văn hóa, sản vật địa phương, góp phần vào sự phát triển bền vững.

2.4.2. Kế hoạch bài dạy minh họa

HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

a. Về kiến thức

- Nêu được

+ Đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Đảng cộng sản Việt Nam; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

+ Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân.

b. Về năng lực

+ Điều chỉnh hành vi:

Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ủng hộ, xây dựng hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bằng những hành vi phù hợp với lứa tuổi.

+ Tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội: Hiểu được các kiến thức khoa học và một số vấn đề cơ bản về hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Về phẩm chất

+ Trung thực: Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp quy định của pháp luật.

+ Trách nhiệm: Phê phán, đấu tranh với những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

- SGK, SGV, SBT môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật 10

- Máy tính, máy chiếu projector, bài giảng PowerPoint,....

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động mở đầu

a. Mục tiêu. Tạo tâm thế tích cực và giúp HS có hiểu biết ban đầu về một số cơ quan, bộ phận cấu thành Hệ thống chính trị ở Việt Nam.

b. Nội dung: Chơi trò chơi “Đoán ý đồng đội”

Tìm hiểu một số cơ quan, bộ phận cấu thành Hệ thống chính trị ở Việt Nam

c. Sản phẩm:

H1: Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam

H2: Mặt trận tổ quốc Việt Nam

H3. Đảng cộng sản Việt Nam

H4. Chính phủ

d. Tổ chức thực hiện:

- GV công bố luật chơi và hướng dẫn cách chơi: mời 6 HS tham gia chia 3 đội. Các đội lần lượt mở hình ảnh và đoán nội dung. Đội nào trả lời đúng nhiều hơn là đội chiến thắng; các học sinh còn lại làm ban giám khảo, chấm điểm cho 3 đội chơi.

- Giao 01 HS lên điều hành máy tính, hỗ trợ các đội chơi

- Tổ chức chơi trò chơi và công bố kết quả đội thắng cuộc

- Tổ chức phỏng vấn các đội chơi: *Nêu những hiểu biết của đội em về một trong những cơ quan đã nêu trong trò chơi*

- GV Tổng hợp ý kiến của các đội chơi và nêu vấn đề:

Trong một thời gian ngắn các đội chơi là hoàn thành nhiệm vụ và nêu được tên của một số cơ quan, bộ phận cấu thành Hệ thống chính trị ở Việt Nam và nêu được hiểu biết ban đầu về các cơ quan đó. Vậy Hệ thống chính trị ở Việt Nam gồm những cơ quan, tổ chức nào? Các cơ quan, tổ chức đó có chức năng nhiệm vụ như thế nào?

2. Hoạt động khám phá

2.1. Tìm hiểu đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

a) Mục tiêu: HS trình bày được đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Nội dung: Đọc sách giáo khoa kết hợp với tìm hiểu các thông tin trên trang <https://chinhphu.vn/thong-tin-tong-hop/he-thong-chinh-tri-10053783> để Vẽ sơ sò tư duy làm rõ đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lấy ví dụ minh họa.

c) Sản phẩm:

Sơ đồ cần thể hiện được:

- *Cấu trúc hệ thống chính trị Việt Nam*: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

- *5 đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam*:

- *Nguyên tắc hoạt động*

+ Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Nguyên tắc quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân.

+ Nguyên tắc tập trung dân chủ.

+ Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa thể hiện.

d) Tổ chức thực hiện

- Hướng dẫn HS làm việc cá nhân trong 3 phút: Đọc sách giáo khoa kết hợp với tìm hiểu các thông tin trên trang <https://chinhphu.vn/thong-tin-tong-hop/he-thong-chinh-tri-10053783> để đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nội dung câu trả lời ghi ra vở/ giấy nháp.

- Hướng dẫn HS thảo luận nhóm 4, hoàn thiện sản phẩm trên giấy A3 hoặc bảng phụ: Vẽ sơ đồ tư duy làm rõ đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lấy ví dụ minh họa. Thời gian: 8 phút

- Hướng dẫn HS treo kết quả thảo luận nhóm vào đúng vị trí của từng nhóm.

- Mời đại diện 2 nhóm báo cáo kết quả; các thành viên nhóm khác nghe, ghi chép và nêu ít nhất 2 câu hỏi cho mỗi nhóm báo cáo

- Tổ chức cho các nhóm nhận xét và nêu câu hỏi phản biện

- Giáo viên tổng kết và chốt kiến thức:

- *Hệ thống chính trị Việt Nam là một chỉnh thể các tổ chức chính trị và chính trị-xã hội trong xã hội Việt Nam bao gồm Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp (Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên...) được liên kết với nhau trong một hệ thống tổ chức nhằm tác động vào các quá trình của đời sống xã hội, để củng cố, duy trì và phát triển chế độ xã hội ở Việt Nam phù hợp với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam.*

- *Cấu trúc hệ thống chính trị Việt Nam bao gồm các yếu tố cấu thành của hệ thống. Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội là thành viên trực thuộc Mặt trận (Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam) và các tổ chức chính trị-xã hội hợp pháp khác của nhân dân được thành lập, hoạt động trên cơ sở liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện và đảm bảo đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.*

- *Đặc điểm của hệ thống chính trị Việt Nam*:

Một là, các tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta đều lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động;

Hai là, hệ thống chính trị ở nước ta đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Ba là, hệ thống chính trị ở nước ta được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ;

Bốn là, hệ thống chính trị bảo đảm sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân và tính nhân dân, tính dân tộc rộng rãi;

Năm là, hệ thống chính trị Việt Nam là một hệ thống mang tính thống nhất và tập trung quyền lực. Tính thống nhất của hệ thống chính trị xuất phát từ nguồn gốc quyền lực của nhân dân ủy quyền cho Đảng, Nhà nước để thực hiện mục đích chung.

- Nguyên tắc hoạt động

+ Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Nguyên tắc quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân.

+ Nguyên tắc tập trung dân chủ.

+ Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2.2. Tìm hiểu vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu: HS trình bày được vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Nội dung: Xây dựng tiểu phẩm, đóng vai làm rõ vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

c) Sản phẩm: Sản phẩm đảm bảo yêu cầu sau:

Lựa chọn được thông tin trong đó thể hiện được vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Xác định được cách thức tổ chức thực hiện và phân công thành viên trong nhóm chuyển thể thông tin thành kịch bản, trong đó có sự phân công chi tiết các nhiệm vụ và sản phẩm cần hoàn thành

d) Tổ chức thực hiện

Nhiệm vụ 1: Hướng dẫn học sinh xây dựng kịch bản

- Hướng dẫn HS truy cập trang thông tin điện tử của Chính phủ: <https://chinhphu.vn/> và các tra thông tin điện tử của Quốc hội và các trang thông tin khác để tìm hiểu và hoàn thiện nhiệm vụ học tập theo nhóm:

Nhóm 1: Xây dựng tiểu phẩm làm rõ vai trò và mối quan hệ của Đảng cộng sản Việt Nam với các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước ta.

Nhóm 2: Xây dựng tiểu phẩm làm rõ vai trò và mối quan hệ của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước ta.

Nhóm 3: Xây dựng tiểu phẩm làm rõ vai trò và mối quan hệ của mặt trận tổ quốc Việt Nam với các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước ta.

Thời gian hoàn thành: 25 phút.

Nộp sản phẩm lên nhóm zalo của lớp

- Hướng dẫn các nhóm nhận xét, góp ý sản phẩm của nhóm: nhóm 1 nhận xét nhóm 2; nhóm 2 nhận xét nhóm 3; nhóm 3 nhận xét nhóm 1

Thời gian: 5 phút

Yêu cầu nhận xét:

+ Nội dung thông tin và kịch bản phỏng vấn và sản phẩm của từng nhiệm vụ trong nhóm có hợp lí không?

+ Những nội dung cần điều chỉnh bổ sung

- Tổ chức cho các nhóm trình bày nhận xét kết quả của nhóm theo phân công và mời đại diện thành viên trong lớp nhận xét phần trình bày của từng nhóm theo kỹ thuật 3-2-1

- Giáo viên tổng kết sản phẩm của các nhóm và hướng dẫn các nhóm hoàn thiện kịch bản đã xây dựng; phân công thành viên thực hiện.

Nhiệm vụ 2: Hướng dẫn các nhóm hoàn thiện kịch bản và thực hiện kịch bản:

- Giáo viên hướng dẫn các nhóm tổ chức đóng vai, hoàn thành kịch bản đã xây dựng theo nhiệm vụ của mỗi nhóm

Thời gian nộp sản phẩm: các nhóm tổ chức hoàn thiện sản phẩm ở nhà, nộp sản phẩm video phỏng vấn trên nhóm lớp.

- Giáo viên tổ chức cho các nhóm báo cáo sản phẩm; các thành viên trong lớp theo dõi hoàn thiện phiếu “**PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM HOẠT ĐỘNG NHÓM**” theo mẫu.

- Giáo viên tổ chức nhanh xét phần trình bày của từng nhóm

Chốt kiến thức:

Đảng Cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng là một bộ phận của hệ thống chính trị, đồng thời là hạt nhân lãnh đạo của toàn bộ hệ thống chính trị. Đảng có chức năng lãnh đạo Nhà nước và xã hội thể hiện trên những nội dung chủ yếu như: Đảng đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối, chiến lược, chủ trương phát triển kinh tế, xã hội...; đồng thời Đảng là người lãnh đạo và tổ chức thực hiện Cương lĩnh, đường lối của Đảng.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nhà nước có vai trò quan trọng trong hệ thống chính trị Việt Nam, thực hiện vai trò quản lý mọi mặt của đời sống xã hội bằng Hiến pháp, pháp luật. Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận,

tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Nhà nước gồm các cơ quan trung ương như Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và chính quyền địa phương các cấp.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; thể hiện ý chí, nguyện vọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình.

Mối quan hệ giữa các thành tố trong hệ thống chính trị

Các quan hệ trong hệ thống chính trị Việt Nam, các quan hệ chính trị được xác lập theo một cơ chế chủ đạo là: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ.

Toàn bộ hoạt động của hệ thống chính trị đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Thông qua bộ máy nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội của Nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện vai trò, chức năng lãnh đạo của mình.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Quyền lực của Nhà nước là quyền lực của Nhân dân giao cho để phục vụ Nhân dân. Nhà nước thể chế hóa chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng thành pháp luật, chính sách của Nhà nước và tổ chức thực hiện.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc đại diện cho lợi ích rộng rãi của các giai cấp, tầng lớp xã hội, của toàn thể Nhân dân lao động và yêu nước Việt Nam, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

+ Vai trò và mối quan hệ của các tổ chức trong hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Đảng cộng sản Việt Nam; Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Mặt trận tổ quốc Việt Nam.

2.3. Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

a) Mục tiêu: HS trình bày được chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Toà án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân.

b. Nội dung: Các nhóm thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ theo phân công như sau:

Nhóm 1: Vẽ sơ đồ tư duy tìm hiểu, làm rõ chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch nước. Lấy ví dụ minh họa làm rõ các chức năng và cách thức hoạt động của Chủ tịch nước.

Nhóm 2: Tìm hiểu thông tin, thiết kế video (Powerpoint) làm rõ chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội, Hội đồng nhân dân. Lấy ví dụ minh họa.

Nhóm 3: Vẽ sơ đồ tư duy tìm hiểu, làm rõ chức năng, nhiệm vụ Chính phủ, Uỷ ban nhân dân. Lấy ví dụ minh họa.

Nhóm 4: Đóng tiểu phẩm làm rõ chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân.

c. Sản phẩm: Các nhóm hoàn thành nv đảm bảo làm rõ được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan trong bộ máy nhà nước

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Chia lớp thành 6 nhóm và hướng dẫn các nhóm thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm cử nhóm trưởng điều hành chung, thư kí tổng hợp ý kiến và ghi nội dung thảo luận lên giấy A0/ A4 hoặc trên máy tính

+ Thành viên các nhóm thảo luận, đưa ra quan điểm, ý kiến của mình để hoàn thành sản phẩm của nhóm.

Thời gian thực hiện: 20 phút

Nhiệm vụ 2: Hoạt động nhóm chuyên gia

- GV chia số thứ tự ngẫu nhiên thành viên của các nhóm ban đầu.
- GV tạo nhóm chuyên gia theo số thứ tự các thành viên đã chọn.
- GV cho các chuyên gia đại diện cho các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm
- Các chuyên gia của các nhóm khác đặt câu hỏi, chuyên gia nhóm được báo cáo có trách nhiệm giải đáp các câu hỏi liên quan đến sản phẩm của nhóm mình.

Nhiệm vụ 3: Hoàn thiện sản phẩm nhóm

Các chuyên gia trở về nhóm ban đầu, báo cáo nội dung tiếp thu được từ các chuyên gia của các nhóm khác.

Các nhóm bổ sung, hoàn thiện sản phẩm của nhóm mình sau ý kiến của chuyên gia.

Nhiệm vụ 4: GV mời đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả và tổ chức trao đổi, thảo luận, chốt kiến thức theo từng nhóm:

nhóm 1: chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch nước.

Chủ tịch nước là người đứng đầu Nhà nước, thay mặt nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về đối nội và đối ngoại.

Nhiệm vụ của Chủ tịch nước bao gồm:

(1) Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh; đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét lại pháp lệnh trong thời hạn mười ngày, kể từ ngày pháp lệnh được thông qua, nếu pháp lệnh đó vẫn được Ủy ban thường vụ Quốc hội biểu quyết tán thành mà Chủ tịch nước vẫn không nhất trí thì Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định tại kỳ họp gần nhất.

(2) Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ.

(3) Đề nghị Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán các Tòa án khác, Phó Viện trưởng, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao; quyết định đặc xá; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội, công bố quyết định đại xá.

(4) Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, các giải thưởng nhà nước, danh hiệu vinh dự nhà nước; quyết định cho nhập quốc tịch, thôi quốc tịch, trở lại quốc tịch hoặc tước quốc tịch Việt Nam.

(5) Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh, quyết định phong, thăng, giáng, tước quân hàm cấp tướng, chuẩn đô đốc, phó đô đốc, đô đốc hải quân; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; căn cứ vào nghị quyết của Quốc hội hoặc của Ủy ban thường vụ Quốc hội, công bố, bãi bỏ quyết định tuyên bố tình trạng chiến tranh; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ra lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp; trong trường hợp Ủy ban thường vụ Quốc hội không thể họp được, công bố, bãi bỏ tình trạng khẩn cấp trong cả nước hoặc ở từng địa phương.

(6) Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; căn cứ vào nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bổ nhiệm, miễn nhiệm; quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phong hàm, cấp đại sứ; quyết định đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế quy định tại khoản 14 Điều 70; quyết định phê chuẩn, gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế khác nhân danh Nhà nước.

Nhóm 2: chức năng, nhiệm vụ của Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

Nhiệm vụ của Quốc hội bao gồm:

- (1) Làm Hiến pháp và sửa đổi Hiến pháp; làm luật và sửa đổi luật.
- (2) Thực hiện quyền giám sát tối cao việc tuân theo Hiến pháp, luật và nghị quyết của Quốc hội; xét báo cáo công tác của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.
- (3) Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.
- (4) Quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước.
- (5) Quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo của Nhà nước.
- (6) Quy định tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng bầu cử quốc gia, Kiểm toán nhà nước, chính quyền địa phương và cơ quan khác do Quốc hội thành lập.
- (7). Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng dân tộc, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán nhà nước, người đứng đầu cơ quan khác do Quốc hội thành lập; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh, Hội đồng bầu cử quốc gia.
- (8) Bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn.
- (9) Quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ của Chính phủ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; thành lập, bãi bỏ cơ quan khác theo quy định của Hiến pháp và luật.
- (10) Bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội.
- (11) Quyết định đại xá.
- (12) Quy định hàm, cấp trong lực lượng vũ trang nhân dân, hàm, cấp ngoại giao và những hàm, cấp nhà nước khác; quy định huân chương, huy chương và danh hiệu vinh dự nhà nước.
- (13) Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; quy định về tình trạng khẩn cấp, các biện pháp đặc biệt khác bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia.
- (14) Quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại; phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ

chức quốc tế và khu vực quan trọng, các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội.

(15) Quyết định trưng cầu ý dân.

Hội đồng nhân dân gồm các đại biểu Hội đồng nhân dân do cử tri ở địa phương bầu ra, là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương, giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật, giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương; chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

Nhóm 3: chức năng, nhiệm vụ của Chính phủ, Ủy ban nhân dân.

Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội.

Nhiệm vụ của Chính phủ bao gồm:

(1) Tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước.

(2) Đề xuất, xây dựng chính sách trình Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều này; trình dự án luật, dự án ngân sách nhà nước và các dự án khác trước Quốc hội; trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội.

(3) Thống nhất quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; thi hành lệnh động viên hoặc động viên cục bộ, lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và các biện pháp cần thiết khác để bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm tính mạng, tài sản của Nhân dân.

(4) Trình Quốc hội quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính dưới tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(5) Thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia; thực hiện quản lý về cán bộ, công chức, viên chức và công vụ trong các cơ quan nhà nước; tổ chức công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước; lãnh đạo công tác của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp; hướng dẫn, kiểm tra Hội đồng nhân dân trong việc thực hiện văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; tạo điều kiện để Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do luật định.

(6) Bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền con người, quyền công dân; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

(7) Tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước; quyết định việc ký, gia nhập, phê duyệt hoặc chấm dứt hiệu lực điều

ước quốc tế nhân danh Chính phủ, trừ điều ước quốc tế trình Quốc hội phê chuẩn quy định tại khoản 14 Điều 70; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, lợi ích chính đáng của tổ chức và công dân Việt Nam ở nước ngoài.

(8) Phối hợp với Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

Ủy ban nhân dân ở cấp chính quyền địa phương do Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu ra, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật và nghị quyết của Hội đồng nhân dân ở địa phương, chịu trách nhiệm trước Nhân dân địa phương, Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính nhà nước cấp trên.

Nhóm 4: chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân.

Tòa án nhân dân, là cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Viện kiểm sát nhân dân, thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.

3. Luyện tập:

a. Mục tiêu: Củng cố, rèn luyện các kiến thức, kỹ năng về hệ thống chính trị nước CJXHCN Việt Nam

b. Nội dung: Bài tập trong sách giáo khoa

Phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Đáp án bài tập trong SGK; phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện:

- Bài tập 1, 2, 3 thực hiện sau mục 2,1

- Phiếu học tập thực hiện sau mục 2,3

4. Vận dụng:

a. Mục tiêu: Tuyên truyền góp phần xây dựng Hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

b. Nội dung: Em hãy thiết kế 1 bản trình chiếu hoặc 1 video tuyên truyền về chủ đề: “HS với hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam”

c. Sản phẩm: Bài tập của HS

d. Cách thực hiện:

Hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ và nộp vào zalo nhóm học tập bộ môn của lớp.
Giao tổ 1 tổng hợp và báo cáo kết quả của thành viên trong lớp

Phụ lục 1:

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM HOẠT ĐỘNG NHÓM
TÊN NHÓM TRÌNH BÀY:

Nội dung được trình bày

Hình thức trình bày

3 từ khen tặng

Sản phẩm của nhóm bạn
sẽ tốt hơn nếu...

Phụ lục 2:

CÂU HỎI TRÒ CHƠI LUYỆN TẬP

Câu 1. Hiến pháp 2013 khẳng định, Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân thể hiện nội dung nào sau đây của Nhà nước?

A. Vai trò. B. Bản chất. C. Chức năng. D. Chính thể.

Câu 2. Điều 107 Hiến pháp năm 2013 quy định, Viện kiểm sát nhân dân có chức năng

A. công tố và kiểm sát. B. xét xử và điều tra.
C. bảo vệ công lí. D. kiểm soát thông tin.

Câu 3. Đảng cộng sản Việt Nam là tổ chức giữ vai trò lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị là thể hiện đặc điểm nào sau đây của Hệ thống chính trị Việt Nam?

A. Tính nhất nguyên chính trị. B. Tính thống nhất.
C. Tính nhân dân. D. Tính pháp chế quyền lực.

Câu 4. Chức năng, vị trí của các cơ quan tổ chức trong hệ thống chính trị được quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật quan trọng của đất nước là thể hiện nguyên tắc nào sau đây của Hệ thống chính trị?

A. Tập trung dân chủ. B. Pháp chế xã hội chủ nghĩa.
C. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. D. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.

Câu 5. Cơ quan nào sau đây của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện quyền xét xử?

- A. Viện Kiểm sát. B. Ủy ban nhân dân.
C. Hội đồng nhân dân. D. Viện Kiểm sát.

Câu 6. Cơ quan nào sau đây của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện quyền lập Hiến và lập pháp?

- A. Quốc hội. B. Chính phủ. C. Chủ tịch nước. D. Cơ quan công tố.

Câu 7. Cơ quan nào sau đây của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có chức năng đề xuất định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước?

- A. Đảng cộng sản. B. Chính phủ. C. Chủ tịch nước. D. Quốc hội.

Câu 8. Nhân dân thực hiện và sử dụng quyền lực Nhà nước thông qua hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp là thể hiện nguyên tắc hoạt động nào sau đây của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam?

- A. Nguyên tắc tập trung dân chủ.
B. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.
C. Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng Cộng sản Việt Nam.
D. Nguyên tắc quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân.

Câu 9. Trong bộ máy nhà nước ta, Quốc hội thuộc nhóm cơ quan nào sau đây?

- A. Quyền lực. B. Hành chính. C. Tư pháp. D. Tổ tụng.

Câu 10. Khi sửa đổi, bổ sung hoặc làm Hiến pháp mới, Quốc hội đã thực hiện chức năng nào sau đây?

- A. Lập hiến. B. Hành pháp. C. Giám sát. D. Kiểm tra.

Câu 11. Cơ quan quyền lực nhà nước nào sau đây đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân tại địa phương?

- A. Hội đồng nhân dân. B. Ủy ban nhân dân.
C. Hội nông dân. D. Mặt trận tổ quốc.

Câu 12. Cơ quan quyền lực nhà nước nào sau đây do nhân dân ở địa phương trực tiếp bầu ra?

- A. Hội đồng nhân dân. B. Viện kiểm sát nhân dân.
C. Ủy ban nhân dân. D. Tòa án nhân dân.

Câu 14. Thực hành quyền công tố thuộc chức năng của cơ quan nào dưới đây?

- A. Viện kiểm sát nhân dân. B. Tòa án nhân dân.
C. Ủy ban nhân dân. D. Hội đồng nhân dân.

Câu 15. Tòa án nhân dân thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

A. Xét xử.

B. Công tố.

C. Điều tra.

D. Giám định.